



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

Số : 606 Võ Văn Kiệt, phường Cầu Kho, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Tel : (84-8) 38367 518 – (84-8) 8368 747 Fax : (84-8) 3 8367 176;

Website: www.cdbeco.com.vn

Email: info@cdbeco.com.vn

Số: 11/HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 04 năm 2016

- Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán – TPHCM
- Quý Nhà Đầu tư và Cổ Đông

V/v: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẮT BUỘC

Thông tin công bố: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

Hội Đồng Quản Trị Công ty cổ phần nước giải khát Chương Dương trân trọng công bố thông tin đến Quý Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh và Quý nhà đầu tư, Cổ Đông của Công ty Bảng Báo cáo thường niên năm 2016 và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016.

Thông tin này, Công ty chúng tôi thực hiện đăng tải tại:

<https://drive.google.com/open?id=0B1hsVrRwUa6NYmNnSmtZVld1QIU>

Trân trọng công bố thông tin.

TM.Hội đồng quản trị

Chủ tịch

Trần Đức Hoà



Người được uỷ quyền CBTT theo quy định

Nguyễn Thuý Phượng

Nơi nhận: - Như trên
- Lưu TK.HĐQT

Trụ sở chính

606 Võ Văn Kiệt, P. Cầu Kho, Quận 1, TP. HCM

ĐT: (08) 3836.7518 – 3836.8747 • Fax: (08) 3836.7176

www.cdbeco.com.vn



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NGK SÀI GÒN
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
CHUÔNG DƯƠNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015



NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS
Saxe
CHUONG DUONG
Thể tích thực: 390ml

NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS
Saxe
CHUONG DUONG
Thể tích thực: 1.5 Lit

FRESH DRINK
CHUONG DUONG
Aloe Vera
CHUONG DUONG
Net content 330ml

NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS
DÂU
CHUONG DUONG
Thực 1.25 Lit

NƯỚC TRÁI CÂY
CHUONG DUONG
Mãng Cầu
CHUONG DUONG

SODA
CHUONG DUONG

NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS
CHUONG DUONG
CAM
CHUONG DUONG
Thực 330ml

NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS
Saxe
CHUONG DUONG
Thể tích thực: 330ml

Sảng khoái cùng thời gian



MỤC LỤC

■ THÔNG TIN CHUNG	
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Mục tiêu.....	07
■ TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY	
Thông tin công ty.....	08
Quá trình hình thành và phát triển.....	10
Tổng quan về công ty.....	11
Ngành nghề kinh doanh.....	10
Mục tiêu, chiến lược của công ty.....	12
Sơ đồ tổ chức nhân sự.....	14
Giới thiệu Hội đồng Quản trị.....	16
Giới thiệu Ban Điều hành.....	18
Giới thiệu Ban Kiểm Soát.....	20
Danh mục sản phẩm Chương Dương.....	23
Danh hiệu đạt được.....	30

■ BÁO CÁO CỦA LÃNH ĐẠO	
Báo cáo của Ban Giám Đốc.....	32
Báo cáo của Hội đồng Quản trị.....	41
Kế hoạch kinh doanh năm 2016.....	44
■ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	
Chính sách đào tạo, tiền lương, Thu nhập và các phúc lợi khác.....	46
Quan Hệ Cổ Đông.....	48
■ MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG	
An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng.....	50
Môi trường và bảo hộ lao động.....	52
■ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Thông tin doanh nghiệp.....	56
Báo cáo của Ban Giám đốc.....	57
Báo cáo kiểm toán.....	58
Bảng cân đối kế toán.....	60
Kết quả hoạt động kinh doanh.....	63
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.....	64
Thuyết minh báo cáo tài chính.....	65



NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS

Saxe

CHƯƠNG ĐƯƠNG

Thể tích thực: 1.5 Lit

NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS

Saxe

CHƯƠNG ĐƯƠNG

Thể tích thực: 390ml

NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS

Saxe

CHƯƠNG ĐƯƠNG

Thể tích thực: 330 ml

Sản phẩm của Công ty Cổ phần Saxe
Số 1 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

TẦM NHÌN

Phát triển thương hiệu Chương Dương trở thành 1 trong 5 thương hiệu nước giải khát hàng đầu tại Việt Nam với tiêu chí mức độ phổ biến của sản phẩm và mức độ yêu thích của người tiêu dùng.

SỨ MỆNH

- Nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua việc cung cấp các sản phẩm nước giải khát chất lượng cao, an toàn và bổ dưỡng.
- Mang lại lợi ích thiết thực cho Nhà nước, cổ đông, khách hàng, đối tác, người lao động và xã hội.
- Bảo vệ người tiêu dùng thông qua hệ thống công nghệ được kiểm soát chặt chẽ, chung tay vì cộng đồng, bảo đảm môi trường.

MỤC TIÊU

- Phấn đấu trong năm 2016 vượt sản lượng tiêu thụ 37,7 triệu lít nước giải khát các loại, bảo đảm các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách theo kế hoạch được Đại Hội Đồng Cổ Đông 2016 đề ra.
- Tái cấu trúc hệ thống quản trị Công ty, nâng cao năng lực cạnh tranh, tập trung đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng với yêu cầu phát triển của sản xuất kinh doanh.
- Đầu tư mạnh cho công tác tiêu thụ và thị trường, xây dựng hệ thống phân phối truyền thống vững mạnh, xây dựng đội ngũ bán hàng theo hướng chuyên nghiệp, tăng độ phủ, tăng cường chăm sóc khách hàng, đẩy mạnh các hoạt động marketing tạo lực kéo hỗ trợ lực đẩy.
- Tập trung tái tung hình ảnh thương hiệu Sà xị Chương Dương, cải tiến mẫu mã bao bì, cho ra đời các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng.
- Giữ vững chất lượng sản phẩm, bảo đảm tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện dự án xây dựng nhà máy mới nhằm phát triển quy mô sản xuất, đổi mới công nghệ theo hướng hiện đại, đủ sức cạnh tranh trên thị trường nước giải khát tại Việt Nam.
- Liên doanh khai thác có hiệu quả các khu đất Công ty đang quản lý.
- Nâng cao việc thực hiện bộ quy tắc ứng xử văn hóa doanh nghiệp. Nâng cao thu nhập nhằm thu hút người tài và chăm lo thu nhập đời sống cho CB.CNV Công ty.



TỔNG QUAN CÔNG TY

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trụ sở chính: 606 Võ Văn Kiệt, P. Cầu Kho, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3836.7518 – 3836.8747

Fax: (08) 3836.7176

Website: www.cdbeco.com.vn

Chi nhánh:

Bình Dương: D-5B, 5D, 5F-CN, KCN Mỹ Phước 3, xã Hòa Lợi, Bến Cát – Bình Dương.

VITA: 577 Hùng Vương, P. 12, Quận 6, TP. HCM

Gò Dầu: 280 Gò Dầu, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP. HCM



THÔNG TIN CÔNG TY

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

Tên tiếng Anh: CHUONG DUONG BEVERAGES JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: CDBECO

Mã chứng khoán: SCD

Sàn niêm yết: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HSX)

Quyết định thành lập: số 242/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ Công Nghiệp

Giấy đăng ký Kinh doanh số 4103002362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày 02/06/2004. Giấy phép kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 17/06/2015

Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng (Tám mươi lăm tỷ đồng)

Khối lượng cổ phiếu đang niêm yết: 8.500.000 cổ phiếu

Khối lượng đang lưu hành: 8.477.640 cổ phiếu (trong đó có 22.360 cổ phiếu quỹ)

Tổng số lao động tính đến 31/12/2015: 416 người

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2004



Nhà máy Nước giải khát Chương Dương chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Nước giải khát Chương Dương theo chủ trương thực hiện cổ phần hóa các công ty quốc doanh do Nhà Nước quản lý.

2006



Chính thức trở thành công ty đại chúng.

Ngày 25/12/2006, cổ phiếu Công ty Cổ Phần Nước giải khát Chương Dương (SCD) chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - HOSE).

Giá đóng cửa phiên giao dịch đầu tiên là 60.000 đồng/cổ phiếu.

Khối lượng cổ phiếu niêm yết đầu tiên là 8.500.000 cổ phiếu.

2008



Công ty Cổ phần NGK Chương Dương điều chỉnh hệ thống nhận diện thương hiệu đồng bộ, tạo điểm nhấn là đơn vị sản xuất NGK có quy mô lớn, uy tín, sản phẩm chất lượng. Đây là bước khởi đầu quan trọng cho chiến lược mở rộng thị trường và trở thành một trong những công ty sản xuất NGK hàng đầu tại Việt Nam.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Sản xuất kinh doanh các loại đồ uống.

Sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ liên quan đến lĩnh vực đồ uống.

Kinh doanh nhà, môi giới bất động sản.

2012



Dấu ấn kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

17 năm liền được Người tiêu dùng tin nhiệm bình chọn danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao do Báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức.

2013



Công ty Cổ phần NGK Chương Dương hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh trước hạn và tiếp tục tăng 20% so với năm 2012 về sản lượng.

2014



Công ty Cổ phần NGK Chương Dương hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh và tiếp tục tăng trưởng 1,46% so với năm 2013 về sản lượng.

2015



20 năm liền được Người tiêu dùng tin nhiệm bình chọn danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao do Báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức.

Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2015, top 100 các thương hiệu và sản phẩm tiêu biểu của Việt Nam hội nhập quốc tế.

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Năm 1952

Tiền thân là nhà máy USINE BELGIQUE trực thuộc tập đoàn B.G.I (Pháp Quốc). Từ năm 1952 đến trước năm 1975, là nhà máy sản xuất Nước giải khát lớn nhất Miền Nam Việt Nam.

Năm 1977 – 1993

Tháng 07/1977 tập đoàn B.G.I chính thức chuyển nhượng quyền sở hữu và bàn giao toàn bộ nhà máy cho Nhà nước Việt Nam với tên gọi là Nhà máy Nước ngọt Chương Dương. Từ năm 1993 là Công ty Nước giải khát Chương Dương.

Năm 2003

Ngày 26/11/2003 được tổ chức TUV cấp chứng nhận ISO 9001:2000.

Ngày 06/12/2003 được tổ chức Quacert cấp chứng nhận ISO 9001:2000.

Năm 2010

Ngày 09/7/2014 được tổ chức Quacert tái cấp chứng nhận ISO 9001:2008.

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC CỦA CÔNG TY

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH:

- Giữ vững thương hiệu Chương Dương thông qua việc cải tiến mẫu mã bao bì, chất lượng sản phẩm và tạo uy tín niềm tin đối với khách hàng qua cung cách phục vụ, chăm sóc khách hàng, dịch vụ sau bán hàng...
- Tăng trưởng sản lượng nước giải khát có gas bền vững. Phát triển thêm dòng sản phẩm không gas, sản phẩm dinh dưỡng phù hợp với thị trường và khu vực.
- Đầu tư xây dựng thị trường, gia tăng sự nhận biết thương hiệu Chương Dương.

MỤC TIÊU KINH DOANH:

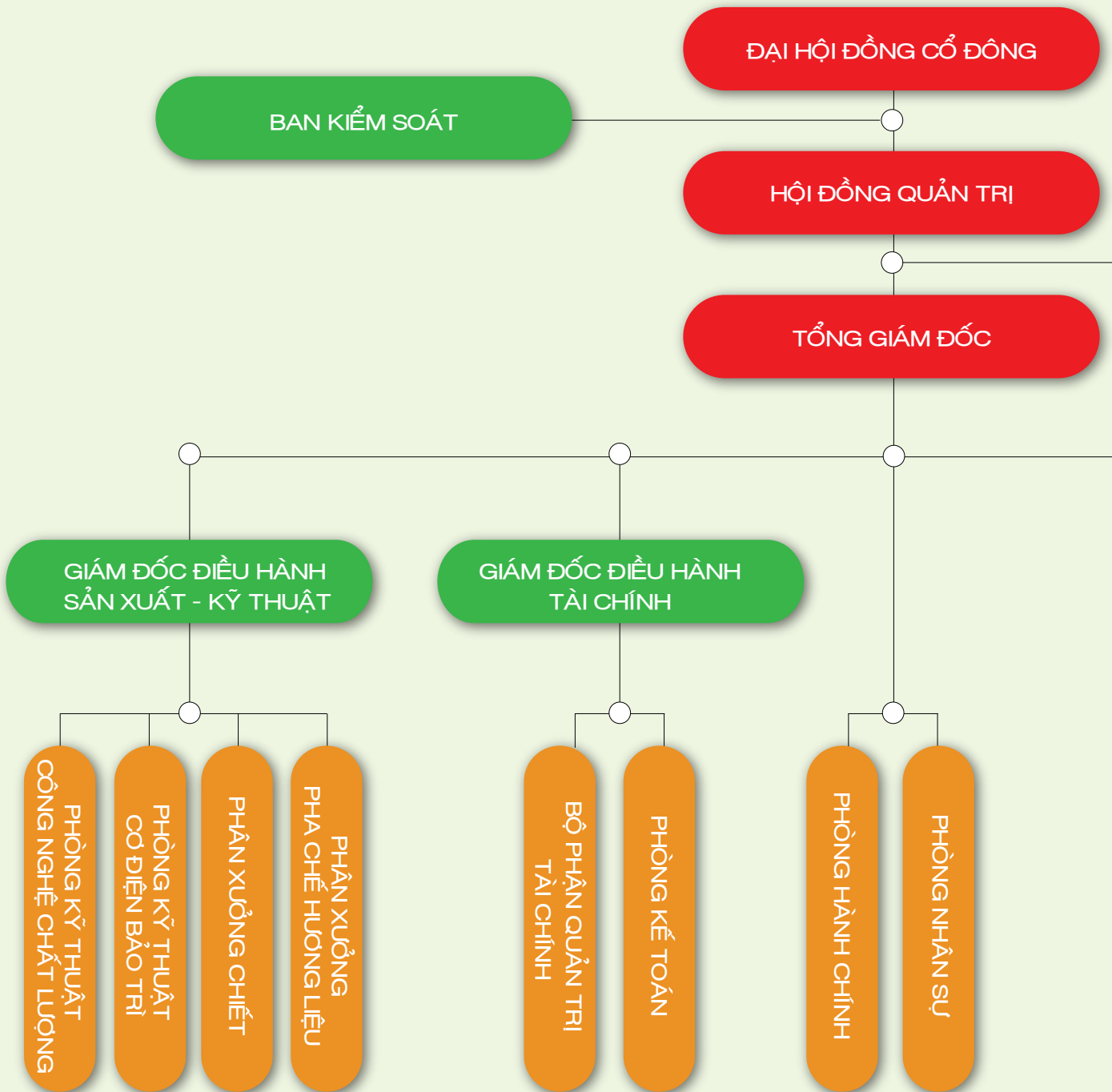
- Củng cố và phát triển hệ thống phân phối cũ vững mạnh và ổn định.
- Mở mới hệ thống phân phối tại khu vực Miền Đông, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và các tỉnh thuộc khu vực Sông Hậu mỗi tỉnh có tối thiểu 1 nhà phân phối nhằm đảm bảo độ bao phủ và hiện diện của sản phẩm nước giải khát Chương Dương trên thị trường.
- Tuyển dụng, đào tạo đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp để ra hàng cho nhà phân phối. Thiết lập tuyến bán hàng cho nhân viên bán hàng.
- Xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với từng khu vực thị trường. Quản lý được giá bán trên thị trường thông qua chính sách bán hàng và đội ngũ bán hàng.
- Xây dựng và quản lý hệ thống phân phối mạnh, ổn định, phát triển thương hiệu Chương Dương trong phạm vi cả nước.

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

- Xây dựng lại hệ thống phân phối tập trung từng khu vực, phân chia khu vực rõ ràng, không để bán lẫn tuyến, lẫn vùng. Đảm bảo khách hàng cam kết kinh doanh tất cả các sản phẩm của Chương Dương.
- Xây dựng đội ngũ bán hàng mang tính chất chuyên nghiệp và nhiệt huyết với Chương Dương.
- Tập trung các chiến lược thị trường như: Tăng trưởng thị trường, phát triển thị trường và phát triển sản phẩm.
- Xây dựng chiến lược và chính sách linh hoạt theo thị trường để tránh đối đầu trực tiếp với các đối thủ mạnh.
- Xây dựng đội ngũ nhân viên bán hàng tại nhà phân phối nhằm chăm sóc triệt để hệ thống khách hàng, tạo độ phủ, tăng thị phần bằng cách thường xuyên thăm viếng khách hàng, đưa tất cả sản phẩm Chương Dương phủ vào các khu vực trống, còn yếu kém chưa mang tính chất toàn diện và sâu rộng tới các điểm bán nhỏ lẻ.
- Xây dựng giá bán và chính sách bán hàng ổn định nhằm mang lại lợi ích thiết thực cho khách hàng kinh doanh sản phẩm Chương Dương.
- Hoàn chỉnh và phát triển Kênh bán hàng hiện đại.
- Đối với thị trường khó bán và thị trường mới, cần có chính sách hỗ trợ để tạo độ phủ và hình ảnh.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC NHÂN SỰ



BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
KINH DOANH

PHÒNG HÀNH CHÍNH
BÁN HÀNG

PHÒNG BÁN HÀNG

PHÒNG MARKETING

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
CUNG ỨNG - ĐẦU TƯ

PHÒNG CUNG ỨNG

PHÒNG KHO VẬN

BỘ PHẬN ĐẦU TƯ

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG TRẦN ĐỨC HÒA

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 16/10/1959

Từ năm 1997 – 2003: Trưởng Phòng Tổ chức Công ty Bia Sài Gòn, Thường vụ Đảng ủy Công ty.

Từ năm 2003 – 2008: Chánh Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn, Thường vụ Đảng ủy Tổng Công ty.

Từ năm 2008 – 2013: Giám đốc Điều hành Hành Chánh – Pháp chế Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn, Thường vụ Đảng ủy Tổng Công ty.

Từ tháng 6/2013 cho đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương. Tháng 10/2013: Bí thư Đảng ủy Công ty.

ÔNG BÙI NGỌC HẠNH

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 20/03/1959

Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Kế toán

Trước năm 2006: Phó phòng Tài chính Kế toán của Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn.

Từ năm 2006 đến nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn. Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương.

Từ 15/06/2011 đến ngày 30/10/2012: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương.

ÔNG VÕ VĂN THỌ

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 16/08/1962

Tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh năm 1987, chuyên ngành Kỹ sư Cơ khí.

Tốt nghiệp Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2003, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh.

CEO Viện Nghiên cứu chiến lược Đại học Kinh tế năm 2008.

Năm 2005: Quản đốc Phân xưởng Động lực Công ty Bia Sài Gòn.

Năm 2007: Phó Ban Quản lý dự án Bia Sài Gòn - Củ Chi, Phó Giám Đốc Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi.

Năm 2012: Trưởng Ban quản lý dự án Bia Sài Gòn - Ninh Thuận.

Từ tháng 5/2013 cho đến nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương.

Từ tháng 5/2013 đến ngày 14/6/2015: Giám đốc Điều hành Đầu tư - Cung ứng Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương.

Từ 15/6/2015 đến nay: Quyền Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư.



ÔNG NGUYỄN THANH ĐỨC

Ủy viên Hội Đồng quản trị

Năm sinh: 15/10/1976

Tốt nghiệp Đại học Xã hội Nhân Văn Hà Nội.

Từ năm 2009 – 2011: Phó Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Sài Gòn Á Châu.

Từ tháng 8/2011 cho đến 27/03/2014: Chuyên viên Thương hiệu thị trường Văn phòng Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn.

Từ ngày 26/4/2013 đến nay: Ủy viên Hội Đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương.

Từ ngày 28/03/2014 đến ngày 14/6/2015: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương.

ÔNG LÊ TUẤN

Ủy viên Hội Đồng quản trị.

Năm sinh: 18/12/1961

Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh.

Chủ Tịch Hội đồng Quản trị các Công ty: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Mạo hiểm (VC Invest); Công ty TNHH MTV ĐTPT Thủy điện Nam Leng; Công ty Cổ phần ĐTPT Khu Đô thị biển Mũi Né – Marina.

Chủ Tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Phát triển Không gian ngầm.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG VÕ VĂN THỌ

Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư - Cung ứng

Năm sinh: 16/08/1962

Tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh năm 1987, chuyên ngành Kỹ sư Cơ khí.

Tốt nghiệp Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2003, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh.

CEO Viện Nghiên cứu chiến lược Đại học Kinh tế năm 2008.

Năm 2005: Quản đốc Phân xưởng Động lực Công ty Bia Sài Gòn.

Năm 2007: Phó Ban Quản lý dự án Bia Sài Gòn - Củ Chi, Phó Giám Đốc Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi.

Năm 2012: Trưởng Ban quản lý dự án Bia Sài Gòn - Ninh Thuận.

Từ tháng 5/2013 cho đến nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương.

Từ tháng 5/2013 đến ngày 14/6/2015: Giám đốc Điều hành Đầu tư - Cung ứng Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương.

Từ 15/6/2015 đến nay: Quyền Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư.

BÀ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG

Giám đốc Điều Hành Tài Chính kiêm Giám đốc Điều Hành Kinh doanh

Năm sinh: 01/05/1976

Cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán; đã hoàn thành lớp bồi dưỡng sau đại học.

Tháng 10/1997: Kế toán Nhà máy Rượu Bình Tây

Tháng 10/2006: Gia nhập Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

Tháng 10/2006: Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán.

Tháng 01/2007: Quyền Trưởng Phòng Tài chính Kế toán.

Tháng 12/2008: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán.

Từ tháng 4/2011 - đến nay: Giám đốc Tài chính kiêm Điều Hành Kinh doanh.

ÔNG HOÀNG QUANG DŨNG

Giám đốc Điều hành Sản xuất Kỹ thuật kiêm Giám đốc Điều hành Cung ứng Kho vận

Năm sinh: 02/01/1975

Kỹ sư Điện - Điện tử trường Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

Tháng 05/2001: Gia nhập Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương.

Tháng 09/2002: Tổ trưởng Tổ sản xuất ca A máy IV thuộc Phân xưởng Chiết.

Tháng 06/2004: Trưởng Bộ phận Kỹ thuật - Cơ điện.

Tháng 11/2006: Quyền Trưởng Phòng Kỹ thuật Cơ điện Bảo trì.

Tháng 02/2007: Trưởng Phòng Kỹ thuật Cơ điện Bảo trì.

Tháng 10/2011: Quyền Giám đốc Điều hành Sản xuất - Kỹ thuật.

Năm 2012 cho đến nay: Giám đốc Điều hành Sản xuất Kỹ thuật kiêm Giám đốc Điều hành Cung ứng Kho vận

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

ÔNG DƯƠNG CHÍ HÙNG

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 13/09/1976

Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán Kiểm toán.

Từ tháng 6/2006 - 06/2008: Chuyên viên Phòng Tài chính thuộc Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn (SABECO).

Từ tháng 6/2008 - 09/2009: Chuyên viên Ban Tài chính thuộc Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn (SABECO).

Từ tháng 9/2009 - 12/2010: Chuyên viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng Quản trị SABECO.

Từ tháng 01/2011 - đến nay: Phó Trưởng Phòng - Phụ trách Phòng Kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng quản trị SABECO.

Từ năm 2008 - đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần NGK Chương Dương.

BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Ủy viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 20/01/1977

Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp.

Năm 1999: Kế toán trưởng DNTN Công nghệ mới T&S;

Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Bảo hiểm Bảo Tín.

Năm 2006 - đến nay: Chánh văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn và

Đầu tư Mạo hiểm; Chánh văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Không gian ngầm;

Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần

Nước giải khát Chương Dương (từ năm 2011).

ÔNG LÝ MINH HOÀNG

Ủy viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 02/04/1987

Tốt nghiệp Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP. HCM -

Chuyên ngành Tài chính - Kế toán

Năm 2009: Gia nhập Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn, Phụ trách mảng Quản trị Tài chính Đầu tư - Ban Tài chính.

Năm 2011: Hoàn thành cấp bậc 2, Chứng chỉ Tài chính Đầu tư Chuyên nghiệp CFA cấp bởi Hiệp hội CFA Hoa Kỳ.

Từ tháng 10/2012: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn.

Từ tháng 05/2013 - đến nay: Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần NGK Chương Dương.





SẢN PHẨM CHƯƠNG DƯƠNG

STT	Sản phẩm	Bao bì	Dung tích	Đóng Thành phẩm
1	Sáxị	Lon nhôm	330 ml	24 lon/thùng
		Chai pet	1,5 lít	12 chai/thùng
		Chai pet	390ml	24 chai/thùng
		Chai thủy tinh	230 ml	24 chai/két
		Chai thủy tinh	240 ml	24 chai/két
2	Cam	Lon nhôm	330 ml	24 lon/thùng
		Chai pet	1,25 lít	12 chai/thùng
		Chai Pet	330 ml	24 chai/thùng
		Chai thủy tinh	240 ml	24 chai/két
3	Dâu	Chai pet	1,25 lít	12 chai/thùng
		Chai pet	330 ml	24 chai/thùng
		Chai thủy tinh	240 ml	24 chai/két
4	Chanh	Chai thủy tinh	240 ml	24 chai/két
5	Bạc hà	Chai thủy tinh	240 ml	24 chai/két
		Chai pet	330 ml	24 chai/thùng
6	Cream Soda	Chai thủy tinh	240 ml	24 chai/két
		Chai pet	330 ml	24 chai/thùng
7	Soda Water	Lon nhôm	330 ml	24 lon/thùng
		Chai thủy tinh	270 ml	24 chai/két
8	Nha Đam	Lon nhôm	330 ml	24 lon/thùng
9	Mãng Cầu	Lon nhôm	330 ml	24 lon/thùng
10	Nước uống đóng chai/ Bình Chương Dương	Chai pet	500 ml	24 chai/thùng
		Chai pet	350 ml	24 chai/thùng
		Bình	18,9 lít	Bình 18,9 lít
11	Trà ôlong Chương Dương	Chai Pet	350ml	24 chai/thùng



NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAZ SÁXI

Mô tả chung: Sản phẩm truyền thống của Chương Dương và là sản phẩm mang hương vị độc đáo của Việt Nam, được khách hàng rất ưa chuộng. Sản phẩm có thành phần quế và hồi hỗ trợ tiêu hóa, hô hấp, tuần hoàn, làm ấm cơ thể.

Thành phần: Nước CO₂, đường, chất điều chỉnh độ acid: acid citric (330), hương Saxe tự nhiên và tổng hợp, màu caramen tự nhiên (150a), chất bảo quản: sodium benzoate (211).

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: hàm lượng đường 110g/l.



NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAZ CAM

Mô tả chung: Là sản phẩm thân thuộc với người tiêu dùng với hương vị cam tươi mát, vị thơm ngon, giúp giải khát hiệu quả trong các hoạt động thường ngày.

Thành phần: Nước CO₂, đường, chất điều chỉnh độ acid: acid citric (330), hương cam tự nhiên và tổng hợp, màu thực phẩm tổng hợp: sunset yellow (110), chất bảo quản: sodium benzoate (211).

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: hàm lượng đường 120g/l.



NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS DÂU

Mô tả chung: Là sản phẩm thân thuộc và phù hợp với phái nữ. Với hương vị dâu thơm ngon, sản phẩm không thể thiếu trong các buổi tiệc họp mặt bạn bè.

Thành phần: Nước CO₂, đường, chất điều chỉnh độ acid: acid citric (330), hương dâu tổng hợp, màu thực phẩm tổng hợp: carmoisine (122), ponceau 4R (124), chất bảo quản: sodium benzoate (211).

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: hàm lượng đường 120g/l.



NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAZ BẠC HÀ

Mô tả chung: Tinh chất bạc hà the mát đã tạo nên nét đặc trưng của sản phẩm. Xuất hiện khá lâu và gần như là duy nhất trên thị trường nước giải khát.

Thành phần: Nước CO₂, đường, chất điều chỉnh độ acid: acid citric (330), hương bạc hà tổng hợp, tinh dầu bạc hà, màu thực phẩm tổng hợp: tartrazine (102), brilliant blue (133), chất bảo quản: sodium benzoate (211).

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: hàm lượng đường 120g/l.



NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAZ CREAM SODA

Mô tả chung: Với hương vị thơm ngon của kem tươi hòa quyện với soda, sản phẩm mang đến cảm giác mới lạ cho những ai lần đầu tiên thưởng thức.

Thành phần: Nước CO₂, đường, chất điều chỉnh độ acid: acid citric (330), hương cream soda tổng hợp, màu thực phẩm tổng hợp: tartrazine (102), chất bảo quản: sodium benzoate (211).

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: hàm lượng đường 120g/l.



NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAZ SODA

Mô tả chung: Sản phẩm quen thuộc với vị đậm đà đặc trưng riêng, kết hợp chất gaz CO2 tinh khiết. Đặc biệt, dùng pha chế với chanh + đường, hoặc rượu để tạo nên những thức uống độc đáo theo khẩu vị riêng của mỗi người.

Thành phần: Nước CO2, Sodium Bicarbonate.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:
hàm lượng CO2 \geq 6.8g/l



NƯỚC GIẢI KHÁT KHÔNG GAZ NHA ĐAM

Mô tả chung: Nha Đam Chuong Duong được làm từ nha đam nguyên chất với từng miếng nha đam tươi, không dùng phẩm màu và chất bảo quản, không gaz giúp bổ sung vitamin C. Sản phẩm thích hợp cho phái nữ.

Thành phần: Nước, đường, nha đam (5%), vitamin C, chất điều chỉnh độ acid: acid citric (330), chất chống oxy hóa: acid ascorbic (300), hương nha đam tự nhiên và tổng hợp.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: hàm lượng đường 110g/l, hàm lượng vitamin C 0.1g/l



NƯỚC TINH KHIẾT ĐÓNG CHAI CHƯƠNG DƯƠNG

Mô tả chung: Được khai thác từ nguồn nước ngầm qua xử lý bằng màng thẩm thấu ngược và thanh trùng bằng Ozon, tia cực tím (UV), làm thêm sự sáng khoái và tươi trẻ.

Nước uống có pH từ 6.5 – 8.5, tuân thủ theo đúng QCVN: 6-1:2010/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước uống đóng chai của Bộ Y tế.



TRÀ Ô LONG CHƯƠNG DƯƠNG

Mô tả chung: Trà Ô long Chương Dương hương vị tự nhiên đặc trưng độc đáo, nguyên liệu trà của Nhật Bản, bổ sung vitamin, tốt cho sức khỏe. Sản phẩm không có chất bảo quản.

Thành phần: Nước, đường, trà ô long (3.0g), chất chống oxy hóa: acid ascorbic (L-) (300), màu tự nhiên caramen nhóm 1 (150a), hương trà tự nhiên và tổng hợp.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: hàm lượng đường 70 ± 20 g/l.

DANH HIỆU ĐẠT ĐƯỢC



Năm 1996: Huân chương Lao động hạng III và Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công Nghiệp

Năm 1998 - 2001: Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công Nghiệp và Cờ thi đua xuất sắc của Công đoàn Bộ Công Nghiệp.

Năm 2002: Nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Công ty 1952 - 2002, Công ty vinh dự được nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng II

Năm 2004: Giấy khen của Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua vượt mức kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ khác trong 5 năm 2000 - 2004.

Năm 2006: Huân chương Lao động Hạng I của Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam cho đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2002 - 2006.

Năm 2007: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho đơn vị có nhiều thành tích trong công tác từ năm 2005 - 2007.

Năm 2008 - 2014: Cờ thi đua của Bộ Công Thương cho đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua.

Năm 2015: Giải thưởng Sao vàng đất Việt, top 100 doanh nghiệp đạt thương hiệu và sản phẩm tiêu biểu của Việt Nam hội nhập quốc tế.

Năm 1997 - 2016: Danh hiệu Hàng Việt Nam Chất Lượng cao trong suốt 20 năm liền.

Năm 2016: Giấy chứng nhận đánh giá quốc tế độc lập đảm bảo chất lượng do QAS cấp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC



HỘI DOANH NGHIỆP HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

CHỨNG NHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

20 NĂM LIÊN TỤC
ĐẠT DANH HIỆU HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO
DO NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN

TP.HCM, ngày 21 tháng 02 năm 2016



VŨ KIM HẠNH

SỐ: 518/2016-GCN-HVNLC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

Năm 2015, tình hình kinh tế Việt Nam phục hồi nhanh chóng và tạo dấu ấn, GDP đạt 6,68% và vượt kế hoạch, lạm phát tăng 2% so với năm 2014 cũng là mức thấp nhất trong 10 năm qua, vốn đầu tư nước ngoài tăng mạnh, xuất khẩu tăng, tài chính ổn định, tạo bước đệm cho năm 2016 nhiều khởi sắc.

Ngành sản xuất bia rượu, nước giải khát trong nước vẫn tiếp tục tăng trưởng cao và dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng cao trong năm 2016. Với sản lượng đạt được trong 6 tháng cuối năm 2015 (là 20 triệu lít), hy vọng trong năm 2016 Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương sẽ phấn đấu đạt được sản lượng tiêu thụ như kế hoạch mà Đại hội đã phê duyệt.

Song song với những thuận lợi thì những khó khăn cũng không ít, năm 2015 cũng là năm các doanh nghiệp tự loại dần trong cuộc chơi cạnh tranh khốc liệt, các doanh nghiệp nhỏ dần dần biến mất trên thị trường hoặc đã chuyển giao thương hiệu dưới mọi hình thức cho doanh nghiệp lớn hơn hoặc doanh nghiệp nước ngoài, sự chuyển hóa trong nền kinh tế thị trường để đi đến hội nhập thương mại cũng là một áp lực lớn cho các doanh nghiệp trong nước nói chung và Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương nói riêng.

Năm 2015 đánh dấu bước ngoặt lớn trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam khi đã hoàn tất đàm phán hàng loạt các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới: TPP,... hội nhập sâu hơn với nền kinh tế thế giới thông qua việc chuẩn bị ký kết các Hiệp định FTA với EU, Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP, nhiều chính sách mới triển khai sẽ thực hiện trong năm như: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật thuế... sẽ sửa đổi mới, các vấn đề này sẽ ảnh hưởng tác động lớn đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Chương Dương cũng không ngoại lệ.

II. CÁC NGHỊ QUYẾT ĐÃ BAN HÀNH ĐỂ QUẢN LÝ VÀ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN:

1. Các Nghị quyết đã ban hành.

Trong năm 2015 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương đã tiến hành họp 4 (bốn) lần và 16 (mười sáu) lần phiếu lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị và đã ban hành tổng cộng 20 (hai mươi) Nghị quyết để chỉ đạo các hoạt động của Công ty về nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó có một Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2015.

Ngoài các cuộc họp định kỳ, Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề về chủ trương chính sách của CDBECO qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 16 lần.

Tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều có thông báo cho đại diện Ban Kiểm soát cùng tham dự với tư cách kiểm soát viên.

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban điều hành Công ty.

Giám sát việc thực hiện các báo cáo và xây dựng kế hoạch SXKD của năm 2015 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên để thông qua.

Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đưa ra chủ trương và các giải pháp để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2015.

Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 và các Nghị quyết của HĐQT.

Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán.

Hội đồng Quản trị Công ty đã luôn chủ động phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành, tạo điều kiện thuận lợi để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Giám sát công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, đồng thời Chủ Tịch HĐQT định kỳ tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng với Ban điều hành và các phòng ban, đơn vị để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh được kiểm tra, giám sát nhằm ngăn chặn hạn chế rủi ro một cách tốt nhất.

6 tháng đầu năm HĐQT đã tăng cường công tác kiểm tra giám sát, chỉ đạo chấn chỉnh những vi phạm của Tổng giám đốc trong thực hiện chính sách bán hàng, kế hoạch ngân sách, quy chế tài chính, quy định công nợ, trong công tác bán hàng và vận chuyển, từ những vi phạm nhưng không khắc phục sửa chữa, tình hình Công ty đã rơi vào khủng hoảng, ngày 15/6/2015 HĐQT đã thống nhất bãi nhiệm Tổng giám đốc theo Điều 30 Điều lệ Công ty.

Giám sát việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chỉ đạo phân công tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 theo quy định.

Ban hành kịp thời các Nghị quyết, Quyết định, văn bản thuộc phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

(Tổng kê các nghị quyết ban hành trong năm 2015 của Hội đồng quản trị)

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
01	Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT	13/02/2015	1. Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật năm 2015.
02	Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT	11/03/2015	1. Chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 và chi trả cổ tức 2014.
03	Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT	16/03/2015	1. Ban hành đơn giá tiền lương năm 2014.
04	Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT	31/03/2015	1. Ban hành chính sách bán hàng năm 2015.
05	Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT	14/04/2015	<p>1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả SXKD năm 2014. - Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2015. <p>2. Công tác đầu tư, HĐQT thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ trương về dự án di dời, xây dựng nhà máy mới tại KCN Tây Bắc Củ Chi. - Chủ trương về khai thác khu đất 606 Võ Văn Kiệt, Q1. - Chủ trương về dự án khu đất 193 Kinh Dương Vương, Q6. - Chủ trương về dự án khu đất Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức. - Chủ trương về khu đất 280 Gò Dầu, Q. Tân Phú, TP HCM. - Việc quyết toán dự án hoàn thành: Đầu tư chiều sâu dây chuyền chiết chai pét công suất 2000 chai/h. - Báo cáo, đề xuất phương án, giá chuyển nhượng đất tại KCN Mỹ Phước III, Bình Dương. <p>3. Thông qua tờ trình 02/TTr-TGD ngày 31/3/2015 về chi phí hỗ trợ bán hàng phát sinh ngoài kế hoạch 2014.</p> <p>4. Tăng cường công tác hoạt động, chỉ đạo giám sát của HĐQT theo Điều lệ Công ty về công tác giám sát, chỉ đạo BDH trong hoạt động kinh doanh và công tác khác.</p> <p>5. Thông qua nội dung các tờ trình của HĐQT tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2015.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình phê chuẩn kết quả kinh doanh và bc tài chính. - Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ 2014. - Tờ trình đề xuất Công ty kiểm toán 2015.
06	Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT	22/04/2015	1. Phê duyệt Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm chức vụ quản lý, điều hành & Quy chế đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn đối với CB.CNV C/ty.
07	Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT	24/04/2015	<p>1. Thông qua báo cáo về kết quả hoạt động SXKD 2014.</p> <p>2. Thông qua báo cáo hoạt động HĐQT năm 2014 và phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch Năm 2015.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân phối lợi nhuận năm 2015 - Công tác đầu tư và kế hoạch hoạt động của HĐQT 2015. + Phê duyệt chủ trương về dự án di dời, xây dựng nhà máy mới tại KCN Tây Bắc Củ Chi. + Phê duyệt chủ trương hợp tác đầu tư bên ngoài hoặc cho thuê để khai thác khu đất 606 Võ Văn Kiệt, Q1, TP HCM.

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
			<ul style="list-style-type: none"> + Phê duyệt chủ trương hợp tác đầu tư bên ngoài hoặc cho thuê để khai thác khu đất 193 Kinh Dương Vương, Q6, TP HCM. + Phê duyệt chủ trương tìm kiếm đối tác có năng lực để hợp tác khai thác khu đất Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP HCM + Phê duyệt chủ trương liên kết với các đối tác có tiềm lực hoặc cho thuê để khai thác công trình 280 Gò Dầu, Q. Tân Phú, TP HCM. + Phê duyệt báo cáo, đề xuất phương án, giá chuyển nhượng đất tại KCN Mỹ Phước III, Bình Dương. <ol style="list-style-type: none"> 3. Thông qua báo cáo hoạt động của BKS 2014 và phương hướng 2015. 4. Thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2014. 5. Thông qua Tờ trình phê chuẩn kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2014. 6. Thông qua Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán độc lập niên độ năm 2015. 7. Thông qua báo cáo thù lao của HĐQT & BKS năm 2014 và đề xuất thù lao cho HĐQT & BKS năm 2015. 8. Thông qua Nghị quyết Đại hội.
08	Nghị quyết số 08/NQ-HDQT	24/4/2015	1. Bổ nhiệm chức vụ Trợ lý TGD phụ trách Kinh doanh đối với Ông Cao Xuân Bình.
09	Nghị quyết số 09/NQ-HDQT	22/5/2015	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua trình tự quản lý dự án: dự án Đầu tư xây dựng nhà máy NGK Chương Dương tại Củ Chi. 2. Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án. 3. Thông qua Tờ trình số 01/TTr-ĐT ngày 18/5/2015 của GD Đầu tư Cung ứng về việc thành lập Ban Quản lý dự án. 4. Thông qua Tờ trình ngày 15/5/2015 về việc thành lập Tổ Thẩm định dự án. 5. Thông qua Tờ trình số 02/TTr-ĐT ngày 18/5/2015 về việc thành lập tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu. 6. Thông qua Trình tự lựa chọn nhà đầu tư. 7. Thông qua Tờ trình số 03/TTr-ĐT ngày 18/5/2015 về việc thành lập Tổ chuyên gia lựa chọn Nhà đầu tư.
10	Nghị quyết số 10/NQ-HDQT	29/5/2015	1. V/v chốt danh sách cổ đông để chia cổ tức năm 2014
11	Nghị quyết số 11/NQ-HDQT	15/6/2015	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bãi nhiệm chức vụ Tổng giám đốc (người đại diện theo pháp luật) đối với Ông Nguyễn Thanh Đức. 2. Bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc (người đại diện theo pháp luật) đối với Ông Võ Văn Thọ. 3. Phân công tạm thời trong Ban điều hành Công ty.

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
12	Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT	29/6/2015	1. V/v phê duyệt nội dung Hợp đồng hợp tác đầu tư và Điều lệ pháp nhân mới khai thác khu đất 606 Võ Văn Kiệt, P. Cầu Kho, quận 1, TP HCM (liên doanh giữa Công ty cổ phần NGK Chương Dương, Công ty cổ phần TM Địa ốc Việt, Công ty cổ phần tư vấn và Đầu tư mạo hiểm (CV Invest) và Công ty TNHH Đầu tư Thành Tạo).
13	Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT	28/7/2015	1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng và lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: "xây dựng nhà máy sản xuất NGK công suất 50 tr lít/năm"
14	Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT	05/8/2015	1. Điều chỉnh và bổ sung Quy định định mức chi phí quản lý, chi tiêu nội bộ, công tác phí năm 2015.
15	Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT	01/9/2015	1. Điều chỉnh và bổ sung Quy chế mua sắm hàng hóa và thanh toán.
16	Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT	16/9/2015	1. Xử lý tài sản thiếu kiểm kê từ năm 2005 đến năm 2013.
17	Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT	16/9/2015	1. Tái bổ nhiệm Kế toán trưởng đối với Ông Nguyễn Kiến Quốc.
18	Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT	16/10/2015	<ol style="list-style-type: none"> Kết quả kiểm toán 05 tháng của Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán Nam Việt (AASCN) và 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty kế toán độc lập (PWC). Báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng năm 2015, kế hoạch quý 4/2015, ước thực hiện năm 2015, các giải pháp đề xuất của Ban điều hành và đề xuất điều chỉnh kế hoạch sản lượng tiêu thụ. Tờ trình số 13/TTr-TGD ngày 18/9/2015 của Tổng giám đốc về việc điều chỉnh chính sách bán hàng về sản lượng cam kết tại thị trường khó, thị trường mới. Tờ trình số 15/TTr-TGD ngày 29/9/2015 của Tổng giám đốc về việc thanh lý tài sản. Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư nhà máy mới thực hiện theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 14/4/2015 của Hội đồng Quản trị và Nghị quyết Đại hội về việc khai thác sử dụng các khu đất công ty đang quản lý. Thông qua tờ trình số 16/TTr-TGD ngày 12/10/2015 của Tổng giám đốc về việc phê duyệt định biên và cơ cấu tổ chức Công ty năm 2015. Tờ trình số 20/TTr-TGD ngày 12/10/2015 của Tổng giám đốc về việc bổ nhiệm các vị trí trưởng phòng, trưởng bộ phận. phê duyệt Quy chế tiền lương đối với khối bán hàng. Tờ trình số 19/TTr-TGD ngày 12/10/2015 của Tổng giám đốc về việc phê duyệt Quy chế tiền lương đối với khối bán hàng.
19	Nghị quyết số 19/NQ-HĐQT	14/12/2015	Phê duyệt đơn vị và phương án hợp tác đầu tư khai thác khu đất 101, đường Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP HCM.
20	Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT	28/12/2015	Phê duyệt Quy chế Phân phối tiền lương Khối Hành chính nghiệp vụ - Sản xuất.

III. KẾT QUẢ QUẢN LÝ VÀ CHỈ ĐẠO CỦA HĐQT THEO QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU LỆ VÀ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ NĂM 2015:

1. Công tác quản lý và chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2015.

Công ty đã thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đưa ra như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2015 (ĐHĐCĐ thông qua)	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ TH/TH 2014	Tỷ lệ TH/TH 2015
1	Sản lượng tiêu thụ	Tr lít	36,000	30,29	35,007	86,55%	84,16%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đ	470,03	394,28	442,131	89,18%	83,88%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	28,07	33,031	28,064	117,70%	117,68%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	21,89	26,170	22,219	117,78%	119,53%
5	Nộp ngân sách	Tỷ đ	36,9	32,85	38,36	85,63%	89,01%
6	Tỷ lệ chia cổ tức/năm	%	9%	15%	16%	93,75%	166,67%

Mặc dù năm 2015 có nhiều khó khăn do khủng hoảng về mặt kinh doanh trong, sau khi Hội đồng Quản trị bãi nhiệm Ông Nguyễn Thanh Đức – Nguyên Tổng giám đốc vào ngày 15/6/2015, sản lượng tiêu thụ của 6 tháng đầu năm 2015 chỉ thực hiện được 10,76 triệu lít (số liệu sau khi được kiểm toán), trong khi kế hoạch Đại hội phê duyệt là 36 triệu lít; hàng thành phẩm thực tế tồn kho tại các kho trên 5,5 triệu lít (cao nhất trong 5 năm gần đây), nợ phải trả NCC trên 30 tỷ. Với điều kiện tình hình như trên là một áp lực rất lớn đối với Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty.

Trong 6 tháng cuối năm, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty vừa giải quyết khủng hoảng về kinh doanh vừa từng bước xây dựng lại thị trường, điều khó khăn nhất là làm sao lấy lại được uy tín với khách hàng để NPP và đại lý quay lại với Công ty, mặt khác phải khắc phục những hậu quả do thực hiện sai chính sách bán hàng, áp lực lớn về thị trường trong những tháng cuối năm là rất lớn.

Trước tình hình đó, với sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty đã ra kế hoạch thực hiện cho giai đoạn chống khủng hoảng, khắc phục hậu quả, phấn đấu hoàn thành kế hoạch ở mức tối đa với khả năng có thể trong giai đoạn khó khăn hiện tại.

Được sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn, các đối tác, nhà phân phối và các cơ quan hữu quan. Bằng nỗ lực không ngừng, sự đoàn kết, quyết tâm của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành cùng với sự nỗ lực của toàn thể CB.CNV Công ty, đến ngày 31/12/2015 đã phấn đấu hoàn thành ở mức sản lượng 30, 29 triệu lít.

Về sản lượng năm 2015 đạt 30,29 triệu lít, đạt 86,55% so với cùng kỳ năm 2014 và đạt 84,16% so với kế hoạch.

Về Tổng doanh thu đạt 470,03 tỷ đồng, đạt 89,18% so với cùng kỳ năm 2014 và đạt 83,88% so với kế hoạch.

Về lợi nhuận trước thuế đạt 33,03 tỷ đồng, đạt 117,70% so với cùng kỳ năm 2014 và đạt 117,68% so với kế hoạch.

Mặc dầu sản lượng không đạt được mong muốn như kế hoạch Đại hội đã phê duyệt, tuy nhiên phải nói rằng trong 6 tháng cuối năm, với sản lượng gần 20 triệu lít, đây là một kỳ tích khá ấn tượng đối với sự nỗ lực của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty.

2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.

Năm 2016 trình Đại hội phê duyệt các chỉ tiêu SXKD như sau:

+ Chỉ tiêu sản lượng tiêu thụ:	37,720 triệu lít
+ Chỉ tiêu tổng doanh thu:	482,720 tỷ đồng
+ Tổng chi phí:	447,772 tỷ đồng
+ Chỉ tiêu lợi nhuận (Trước thuế):	35,00 tỷ đồng
+ Lãi suất cơ bản trên cổ phiếu:	3.303 đ/ cp
+ Cổ tức:	15%

3. Công tác đầu tư:

3.1. Dự án di dời, xây dựng nhà máy mới tại KCN Tây Bắc – Củ Chi.

Căn cứ Thông báo số 38/2014/TB-HĐQT ngày 12/03/2014 của HĐQT Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn, Thông báo số 06/TB-HĐQT ngày 22/04/2014 của HĐQT Cty CP NGK Chương Dương về việc nhất trí chủ trương đầu tư di dời nhà máy nước ngọt Chương Dương về KCN Tây Bắc Củ Chi, Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông CDBECO năm 2015 về việc cho phép Công ty thuê lại 60.000m² đất trong khuôn viên Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi tại KCN Tây Bắc Củ Chi để đầu tư xây dựng nhà máy NGK công suất 50 triệu lít/năm, các Phòng ban, Bộ phận chức năng chuyên môn đã thực hiện các công tác sau:

- Phối hợp với phòng ban chuyên môn của Sabeco hoàn thành hợp đồng thuê lại 60.000m² đất tại KCN Tây Bắc Củ Chi để thực hiện dự án xây dựng nhà máy mới. Hiện vẫn đang chờ Sabeco ký hợp đồng thuê đất.
- Thành lập và thông qua quy chế và tổ chức của BQLDA.
- Thành lập Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu, Tổ thẩm định dự án.
- Hoàn thành gói thầu khảo sát đánh giá thị trường phục vụ dự án đầu tư.
- Thực hiện gói thầu báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự Án, dự kiến hoàn thành vào cuối quý 1/2016 và trình Sabeco thẩm định.
- Các Phòng ban, Bộ phận chức năng từng bước tiếp xúc, tìm hiểu các công tác, đơn vị phục vụ cho việc triển khai dự án như khảo sát địa chất thủy văn, khảo sát máy móc thiết bị.

Sau một năm kể từ khi Đại hội đồng cổ đông 2015, đến nay Công tác đầu tư xây dựng nhà máy mới mặc dù có triển khai nhưng vẫn còn chậm, chưa theo đúng tiến độ dự kiến bởi chưa có văn bản chấp thuận chính thức từ Tổng công ty cổ phần Bia- Rượu- Nước giải khát Sài Gòn, việc thực hiện nhận chuyển nhượng quyền thuê đất 60.000 m² tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi vẫn chưa thực hiện được (theo nội dung Tờ trình số 01/TTr-BPQLV ngày 3/6/2014 v/v xin cho phép Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương thực hiện các thủ tục pháp lý ký hợp đồng thuê lại 60.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi).

Sau khi hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết giữa SABECO và CDBECO, Công ty sẽ đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

3.2. Về việc khai thác khu đất tại 606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1.

Được sự chấp thuận của Tổng công ty về việc hợp tác với đơn vị có năng lực khai thác khu đất 606 Võ Văn Kiệt (nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Tổng công ty từ năm 2012) và thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông CDBECO 2015, Công ty đã thành lập Tổ chuyên gia lựa chọn nhà đầu tư cho các khu đất hiện Công ty đang quản lý; đối với khu đất 606 Võ Văn Kiệt, Quận 1 (trụ sở chính), diện tích 19.983m², đã tiến hành xét chọn 8 nhà đầu tư. Thông qua kết quả xét chọn và để giữ quyền ưu tiên khai thác khu đất theo quy định của pháp luật, Hội đồng Quản trị đã ra Nghị quyết số 12/NQ – HDQT ngày 29/06/2015 về việc phê duyệt nội dung hợp đồng hợp tác đầu tư và Điều lệ pháp nhân mới giữa Công ty cổ phần NGK Chương Dương và liên doanh Công ty cổ phần Thương mại Địa ốc Việt - Công ty cổ phần tư vấn & Đầu tư mạo hiểm (VC Invest) - Công ty TNHH Đầu tư Thành Tạo.

Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương góp vốn pháp định thành lập vào Công ty cổ phần Bất động sản Thành Tạo – Chương Dương, với tổng số tiền là 5,2 tỷ đồng, tương đương 520.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 26% vốn điều lệ đại diện Công ty cổ phần Bất động sản Thành Tạo – Chương Dương.

Căn cứ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 phường Cầu Kho, Quận 1 (tổng diện tích 34,2ha), được UBND Q.1 phê duyệt tại Quyết định số 2751/QĐ-UBND ngày 12/05/2011 thì vị trí của khu đất 606 Võ Văn Kiệt phần lớn có chức năng giáo dục (đất trường học xây dựng mới), còn lại là đất hỗn hợp thương mại - dịch vụ - văn phòng và đất ở. Hiện nay, pháp nhân mới là Công ty CP BĐS Thành Tạo – Chương Dương đang làm việc với: UBND Quận 1, Sở Quy Hoạch Kiến Trúc, Sở Xây Dựng, UBND Thành Phố để thực hiện việc điều chỉnh quy hoạch có lợi cho việc thực hiện dự án (theo quy hoạch năm 2011 thì đất dành cho thương mại, dịch vụ chỉ còn hơn 3.000m²). Sau khi có kết quả điều chỉnh được quy hoạch, Công ty sẽ báo cáo xin ý kiến chấp thuận của SABECO và HDQT Công ty sẽ trình phương án khai thác để cổ đông xem xét phê duyệt.

3.3. Dự án tại 193 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6.

Tại Đại hội đồng cổ đông năm 2015, đối với khu đất 193 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, TP HCM, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương đã báo cáo, trình và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bản tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư, chủ trương hợp tác với nhà đầu tư bên ngoài. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội, ngày 16/6/2015, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương ban hành Quyết định số 15/QĐ-HDQT về việc thành lập tổ chuyên gia lựa chọn nhà đầu tư các khu đất.

Ngày 01/9/2015, HDQT ban hành Quyết định số 24/QĐ-HDQT ngày 01/9/2015 về việc thành lập Hội đồng xem xét và đề xuất các phương án khai thác các khu đất do Công ty quản lý. Để tiếp tục lựa chọn nhà đầu tư bên ngoài theo Nghị quyết của Đại hội năm 2015. Qua quá trình lựa chọn, Hội đồng đã báo cáo và trình HDQT Công ty lựa chọn Công ty cổ phần đầu tư & Phát triển Nguyễn Kim là đơn vị hợp tác đầu tư bởi đây là đơn vị có tiềm lực tài chính mạnh, đáp ứng các điều kiện của Công ty Chương Dương, đồng thời cũng có phương án khai thác đầu tư cụ thể, chi tiết.

Hiện nay Bộ phận Đầu tư Công ty đang thương thảo bàn bạc lại với đối tác để đi đến việc thỏa thuận lựa chọn phương án tốt nhất, cùng có lợi cho hai bên và đặc biệt bảo toàn lợi ích cho Chương Dương đồng thời không gây ảnh hưởng đến vốn Nhà nước trong điều kiện có thoái vốn. Sau khi hai bên thống nhất phương án và được sự chấp thuận của SABECO, Hội đồng Quản trị Công ty sẽ báo cáo và trình cổ đông xem xét phê duyệt.

3.4. Khu đất Số 101 Đường số 19, KP 4, P. Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức.

Đối với khu đất này, Đại hội đồng cổ đông 2015 đã phê duyệt CDBECO tiếp tục tìm kiếm đối tác có năng lực để hợp tác cùng khai thác, giao thời hạn đến cuối năm 2015 vẫn không tìm được đối tác nào cùng hợp tác thì CDBECO sẽ làm thủ tục trả lại cho Nhà nước.

Ngày 14/12/2015, Hội đồng Quản trị đã ra Quyết định số 38/QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị phê duyệt Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim là đơn vị hợp tác đầu tư khai thác khu đất 101, Đường 19, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh. Phương án nhượng quyền lợi thế thương mại với tổng giá trị nhận được là 03 tỷ đồng.

3.5. Dự án văn phòng làm việc, trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại số 280 Gò Dầu, Quận Tân Phú, TP HCM.

Công trình hoàn thành năm 2011, tuy nhiên do nhiều nguyên nhân vẫn chưa thể đưa vào sử dụng hiệu quả. Từ 2011, Công ty phải trả tất cả các chi phí liên quan đến công trình như tiền thuê đất hàng năm, chi phí thuê bảo vệ, chi phí điện, nước... tổng cộng khoảng 425tr/năm. Đến giữa năm 2015, Công ty đã làm thêm phần vỉa hè và đưa vào khai thác dưới hình thức cho thuê lại, mang lại nguồn thu là 456tr/năm cho Công ty thay vì phải trả các loại chi phí để duy trì Công trình như trước đây. Sắp tới HĐQT sẽ xem xét phương án khai thác có hiệu quả nhất như liên doanh đầu tư, cho thuê hoặc chuyển nhượng bảo đảm khai thác có hiệu quả nhất.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2016.

1. Phấn đấu trong năm 2016 vượt sản lượng tiêu thụ 37,7 triệu lít nước giải khát các loại, bảo đảm các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách theo kế hoạch được ĐHĐCĐ 2016 phê duyệt.
2. Tái cấu trúc hệ thống quản trị Công ty, nâng cao năng lực cạnh tranh, tập trung đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng với yêu cầu phát triển của sản xuất kinh doanh.
3. Đầu tư mạnh cho công tác tiêu thụ và thị trường, xây dựng hệ thống phân phối truyền thống vững mạnh, xây dựng đội ngũ bán hàng theo hướng chuyên nghiệp, tăng độ phủ, tăng cường chăm sóc khách hàng, đẩy mạnh các hoạt động marketing tạo lực kéo hỗ trợ lực đẩy.
4. Tập trung tái tung hình ảnh thương hiệu Sà xị Chương Dương, cải tiến mẫu mã bao bì, cho ra đời các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng.
5. Giữ vững chất lượng sản phẩm, bảo đảm tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.
6. Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện dự án xây dựng nhà máy mới nhằm phát triển quy mô sản xuất, đổi mới công nghệ theo hướng hiện đại, đủ sức cạnh tranh trên thị trường nước giải khát tại Việt Nam.
7. Liên doanh khai thác có hiệu quả các khu đất Công ty đang quản lý.
8. Nâng cao việc thực hiện bộ quy tắc ứng xử văn hóa doanh nghiệp. Nâng cao thu nhập nhằm thu hút người tài và chăm lo thu nhập đời sống cho CB.CNV Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

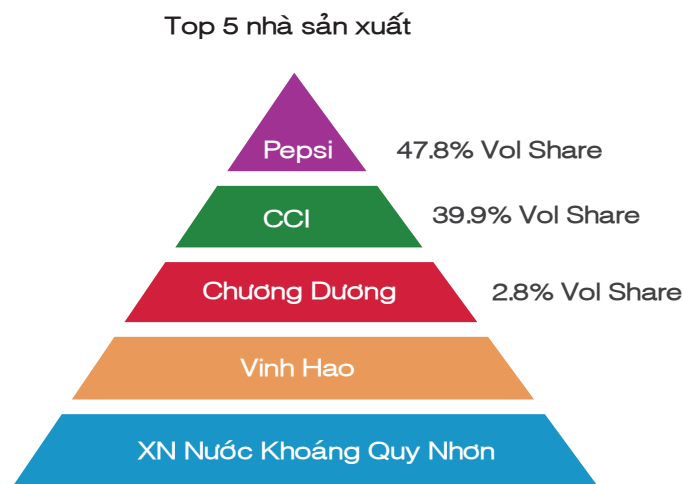
1. Tổng quan về thị trường nước giải khát Việt Nam và vị thế của Chương Dương trong ngành nước giải khát có gas:

Thị trường nước giải khát có gas ở Việt Nam nói chung từ năm 2009-2014 luôn có mức tăng trưởng khá cao cả về lượng và doanh số. Năm 2009, sản lượng nước giải khát có gas ở mức 450 triệu lít và doanh số đạt 8.000 tỷ VND (tính theo lượng mua về nhà và tiêu thụ tại bàn, hàng quán), thì đến năm 2014 đạt 900 triệu lít và doanh số là 20.000 tỷ VND. Mức tăng trưởng năm 2011-2012 là 26,6%/năm; năm 2013-2014 mức tăng trưởng 19%/năm theo *Source: Euromonitor 2015-takasago*.

Theo dự báo thì thị trường nước giải khát Việt Nam còn nhiều tiềm năng để phát triển trong khi kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn, mâu thuẫn Nhật -Trung sẽ làm chuyển dịch đầu tư sang thị trường Việt Nam, năm 2013 - Kirin Nhật đã xâm nhập thị trường nước giải khát Việt Nam.

Theo nghiên cứu của Nielsen, trong 6 quý liên tục vừa qua, nước giải khát giữ đà tăng trưởng tốt và ổn định, trong khi các ngành hàng khác đối mặt với nhiều khó khăn. Đặc biệt khu vực nông thôn tăng trưởng tốt hơn thành thị trong 6 tháng đầu năm 2015. Cơ hội tăng trưởng nước giải khát cho Việt Nam vẫn còn rộng ở mức khoảng 6%. Nước giải khát có gas đang tăng trưởng cao hơn mức tăng trưởng của ngành tập trung khu vực Miền Bắc, Đồng Bằng sông Cửu Long. Nước uống đóng chai tăng trưởng cao hơn mức tăng của ngành tập trung khu vực Miền Bắc và Miền Trung. Thị phần của nước giải khát Chương Dương còn rất khiêm tốn trong tổng thị phần nước giải khát tại Việt Nam chỉ mới xấp xỉ đạt được 1% tổng thị phần, tăng trưởng khoảng 3% so với tổng tăng trưởng toàn ngành.

Cũng theo báo cáo này của Nielsen, qua số liệu nghiên cứu thị trường nước uống có gas tại 36 thành phố và nông thôn tại Việt Nam trong 12 tháng vừa qua, hiện Chương Dương vẫn đang nằm trong danh mục 5 nhà sản xuất trong ngành hàng nước có gas, thương hiệu của Chương Dương xếp thứ 3 sau Pepsi, CCI tại thị trường Việt Nam, mặc dù tăng trưởng sản lượng của Chương Dương là âm trong bối cảnh ngành (gồm Coke, Pepsi...) tăng trưởng dương.



Dữ liệu của ngành hàng nước uống có Gas ở thị trường 36 thành phố và Nông thôn 12 tháng vừa qua

2. Tình hình hoạt động SXKD của Công ty cổ phần NGK Chương Dương trong năm 2015:

Toàn ngành kinh doanh thực phẩm, nước giải khát có nhiều thuận lợi, cơ hội để tăng trưởng khá ổn định trong năm 2015. Riêng Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương, vào những tháng đầu năm 2015, đã rơi vào tình trạng khủng hoảng trong hoạt động sản xuất kinh doanh từ những sai lầm trong kinh doanh của người điều hành là nguyên Tổng giám đốc làm cho giá cả thị trường hỗn loạn, hệ thống nhà phân phối mất niềm tin đã gián đoạn thậm chí ngưng kinh doanh trong suốt 5 tháng đầu năm 2015 kéo theo những bất ổn trong đội ngũ nhân sự bán hàng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của 6 tháng đầu năm 2015 nghiêm trọng. Đó là lý do mà Công ty không hoàn thành được chỉ tiêu sản lượng và doanh số bán hàng theo kế hoạch năm 2015 dù đã đảm bảo thực hiện hoàn thành đạt và vượt kế hoạch năm 2015 các chỉ tiêu khác như lợi nhuận trước và sau thuế; tỷ lệ chi trả cổ tức; nghĩa vụ ngân sách đối với Nhà nước bằng mọi nỗ lực và giải pháp kinh doanh trong 6 tháng cuối năm 2015. Trong quý IV năm 2015, Công ty đã khắc phục toàn bộ hậu quả của khủng hoảng và đưa hoạt động sản xuất kinh doanh trở về trạng thái ổn định để tạo thế phát triển trong năm 2016.

3. Kết quả kinh doanh năm 2015:

3.1 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015:

CHỈ TIÊU	KH 2015	TH 2015	TH 2014	% TH.15/ KH 15	So sánh % (15/14)
Sản lượng tiêu thụ (Chưa trừ)	36,000,100	30,297,967	35,007,975	84%	87%
Doanh thu bán hàng & dịch vụ	457,599,925,164	373,353,790,592	426,247,881,468	82%	88%
Các khoản giảm trừ doanh thu	0	18,548,959,957	21,479,240,707		86%
Doanh thu thuần về bán hàng & dịch vụ	457,599,925,164	354,804,830,635	404,768,640,761	78%	88%
Giá vốn hàng bán	298,945,710,686	248,732,290,754	290,499,598,295	83%	86%
Lợi nhuận gộp về bán hàng & dịch vụ	158,654,214,478	106,072,539,881	114,269,042,466	67%	93%
Doanh thu hoạt động tài chính	7,227,916,667	12,011,095,768	11,840,820,481	166%	101%
Chi phí tài chính	119,951,763	105,457,732	366,026,436	88%	29%
Chi phí bán hàng	100,973,924,284	60,132,737,458	66,922,394,054	60%	90%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	41,919,124,077	33,536,610,944	34,763,861,876	80%	96%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	22,869,131,021	24,308,829,515	24,057,580,581	106%	101%
Thu nhập khác	5,200,000,000	8,916,193,953	4,042,220,829	171%	221%
Chi phí khác		193,752,389	35,430,576		547%
Lợi nhuận khác	5,200,000,000	8,722,441,564	4,006,790,253	168%	218%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28,069,131,021	33,031,271,079	28,064,370,834	118%	118%
Chi phí thuế hiện hành	6,175,208,825	6,860,697,759	5,845,286,559	111%	117%
Lợi nhuận sau thuế	21,893,922,196	26,170,573,320	22,219,084,275	120%	118%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2,583	2,778	2,359	108%	118%



3.2 Phân tích kết quả kinh doanh thực hiện năm 2015 so với các chỉ tiêu kế hoạch 2015 và thực hiện cùng kỳ năm 2014:

Sản lượng tiêu thụ năm 2015 đạt 30,3 triệu lít bằng 84.16% kế hoạch năm 2015 đã được phê duyệt và bằng 87% so với cùng kỳ năm 2014. Sản lượng thực hiện không hoàn thành theo kế hoạch năm 2015 là do khủng hoảng trong sản xuất kinh doanh những tháng đầu năm 2015. Sáu tháng đầu năm 2015, sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 10,76 triệu lít bằng 30.55% kế hoạch sản lượng năm 2015 trong khi tỷ lệ bình quân giai đoạn này theo mùa vụ kinh doanh thông thường phải đạt tối thiểu 40% sản lượng của cả năm. Cho nên 6 tháng cuối năm 2015 dù đã nỗ lực bằng mọi giải pháp cũng chỉ tăng sản lượng thực hiện đạt 19,53 lít bằng 54.25% kế hoạch năm 2015 và lũy kế cả năm 2015 chỉ thực hiện đạt 84.16% kế hoạch năm 2015.

Do sản lượng tiêu thụ năm 2015 chỉ thực hiện bằng 84% sản lượng kế hoạch năm 2015 kéo theo doanh thu bán hàng thuần thực hiện cả năm là 355 tỷ đồng, bằng 78% kế hoạch năm 2015 và bằng 88% so với thực hiện năm 2014. Tổng doanh thu từ các hoạt động (bán hàng, tài chính và hoạt động khác) thực hiện năm 2015 là 373 tỷ đồng bằng 82% kế hoạch năm 2015 và bằng 88% thực hiện năm 2014.

Tuy Công ty đã không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng tiêu thụ và doanh thu bán hàng trong năm 2015 nhưng Công ty đã nỗ lực tìm mọi giải pháp thực hiện bằng được chỉ tiêu lợi nhuận nhằm có thể đảm bảo được các nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, với cổ đông và lợi ích cho cán bộ công nhân viên từ chỉ tiêu lợi nhuận trước và sau thuế. Lợi nhuận trước thuế thực hiện là 33,03 tỷ đồng đã vượt 18% mức kế hoạch năm 2015 và vượt 18% thực hiện năm 2014. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính chiếm tỷ trọng 37.55% tổng lợi nhuận năm 2015, trong đó chính yếu là từ kết quả kinh doanh của 6 tháng cuối năm 2015, lợi nhuận từ hoạt động tài chính và thu nhập khác chiếm tỷ trọng 62.45% tổng lợi nhuận năm 2015 (từ thu lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức góp vốn từ Công ty cổ phần Tây Đô; chia lãi khai thác khu đất phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức; khoản hỗ trợ kinh phí cho Marketing từ Tổng Công ty mẹ, từ nhà cung cấp lon nhôm, ngân hàng...).

Lợi nhuận sau thuế là 26,17 tỷ đồng vượt 19.53% kế hoạch năm 2015 và vượt 17.78% so với cùng kỳ năm 2014. Năm 2015, nộp ngân sách nhà nước đạt 32,85 tỷ đồng bằng 90% kế hoạch năm 2015 và bằng 85.65% so với thực hiện năm 2014. Tỷ lệ chi trả cổ tức thực hiện năm 2015 trình thông qua Đại hội thường niên 2016 này để nghị quyết chi trả 15% vượt 67% kế hoạch cổ tức năm 2015. Ngày 5/4/2016 Công ty đã chi ứng cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 9% (900 đồng/cổ phiếu) thực hiện bằng 100% kế hoạch cổ tức năm 2015.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2016

QUA THỰC HIỆN NĂM 2015 VỚI CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2016:

CHỈ TIÊU	KH 2016	TH 2015	% KH.16 TH15
Sản lượng tiêu thụ (lít)	37,752,621	30,297,967	125%
Doanh thu bán hàng & dịch vụ	469,051,169,699	373,353,790,592	126%
Các khoản giảm trừ doanh thu	0	18,548,959,957	0%
Doanh thu thuần về bán hàng & dịch vụ	469,051,169,699	354,804,830,635	132%
Giá vốn hàng bán	307,010,557,180	248,732,290,754	123%
Lợi nhuận gộp về bán hàng & dịch vụ	162,040,612,519	106,072,539,881	153%
Doanh thu hoạt động tài chính	8,422,294,017	12,011,095,768	70%
Chi phí tài chính	120,000,000	105,457,732	114%
Chi phí bán hàng	95,336,749,549	60,132,737,458	159%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	42,054,744,745	33,536,610,944	125%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	32,951,412,242	24,308,829,515	136%
Thu nhập khác	5,250,050,812	8,916,193,953	59%
Chi phí khác	3,200,000,000	193,752,389	1652%
Lợi nhuận khác	2,050,050,812	8,722,441,564	24%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35,001,463,054	33,031,271,079	106%
Chi phí thuế hiện hành	7,000,292,611	6,860,697,759	102%
Lợi nhuận sau thuế	28,001,170,443	26,170,573,320	107%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2,973	2,778	107%
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	15	15	100%

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2016:

CHỈ TIÊU	KH 2016	TH 2015	% KH.16 TH15
Tổng doanh thu (đã trừ gg,ck)	482,723,514,528	375,732,120,356	128%
Tổng chi phí	447,722,051,474	342,700,849,277	131%
Tổng lợi nhuận trước thuế	35,001,463,054	33,031,271,079	106%
Nộp ngân sách nhà nước	39,839,000,000	32,850,000,000	121%

CHỈ TIÊU	KH 2016	TH 2015	% KH.16 TH15
Quỹ tiền lương (đồng/năm)	47,000,000,000	41,120,000,000	114%
Tổng thu nhập (đồng/năm)	49,800,117,044	43,737,057,332	114%
Lao động bình quân (người)	472	416	113%
Tiền lương bình quân (đồng/người/năm)	99,576,271	98,846,154	101%
Thu nhập bình quân (đồng/người/năm)	105,508,723	105,137,157	100%



NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS
DÂU
CHUONG DUONG
Thể Tích Thực 1.25Lít
Sản phẩm của Công ty cổ phần nước giải khát CHUONG DUONG
600 Vũ Văn Kiệt, Q.1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: (84-8) 38367918 / 38368747 - Fax: (84-8) 38367178

DÂU
CHUONG DUONG
Thể Tích Thực 300ml

NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS
DÂU
CHUONG DUONG
Thể Tích Thực 1.25Lít
Sản phẩm của Công ty cổ phần nước giải khát CHUONG DUONG
600 Vũ Văn Kiệt, Q.1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: (84-8) 38367918 / 38368747 - Fax: (84-8) 38367178

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO TIỀN LƯƠNG THU NHẬP VÀ CÁC PHÚC LỢI KHÁC

Chính sách đào tạo:

Đào tạo nghiệp vụ an toàn, vệ sinh thực phẩm, vận hành thiết bị nghiêm ngặt về ATLĐ cho 100% CB.CNV có liên quan; đào tạo văn hóa doanh nghiệp, đào tạo kỹ năng mềm kết hợp với các hoạt động đội nhóm. Năm 2015, công tác đào tạo tiếp tục được chú trọng và duy trì đặc biệt các khóa kỹ năng mềm dành cho cán bộ quản lý, nhân viên nghiệp vụ và đội ngũ bán hàng.

Chính sách tiền lương, thu nhập:

Trả lương theo vị trí công việc, năm 2015 tiếp tục bổ sung thưởng quý đối với CB.CNV hoàn thành tốt nhiệm vụ.



Chế độ phúc lợi khác:

Khen thưởng nhân dịp các sự kiện: Ngày lễ, Tết, hoàn thành kế hoạch SXKD; chăm sóc sức khỏe toàn diện cho CB.CNV thông qua chính sách BHYT toàn diện và tai nạn nhóm.



QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Sở hữu cổ phần của các tổ chức và cá nhân trong nước nắm giữ: 87.27%, tương đương 7.418.490 cổ phần. Trong đó:

Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO): 5.261.500 cổ phiếu, tỷ lệ 61.90%

Công ty Cổ phần Đầu tư Mạo Hiểm: 1.080.000 cổ phiếu, tỷ lệ: 12.70%

Có 3 cổ đông cá nhân sở hữu tỷ lệ nắm giữ trên 1% cổ phần, số lượng cổ phiếu của 3 cổ đông này là 354.070 cổ phần chiếm 4.17%.

Cổ phiếu quỹ Công ty Chương Dương đang nắm giữ: 22.360 cổ phiếu, tỷ lệ: 0.26%.

Các tổ chức và cá nhân còn lại (khoảng 294 cổ đông) nắm giữ: 700.560 cổ phiếu, chiếm 8.24% và không có cổ đông nào nắm giữ trên 1% tỷ lệ cổ phần.

Tổ chức, Cá nhân nước ngoài (trên dưới 49) nắm giữ: 1.081.510 cổ phiếu, tỷ lệ 12.72%. Trong đó: Quỹ đầu tư Mutual Fund Elite (Phần Lan): 610.140 cổ phiếu, tỷ lệ: 7.18%.

Có 2 cổ đông cá nhân nước ngoài nắm giữ tỷ lệ trên 1% cổ phần, số lượng cổ phần của 2 tổ chức này là 252.050 cổ phiếu, chiếm 2.96%.

Các tổ chức, cá nhân nước ngoài còn lại nắm giữ: 219.320 cổ phần, chiếm 2.58%.



AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG CHẤT LƯỢNG



VỀ CÔNG TÁC AN TOÀN:

Công ty thực hiện việc kiểm soát, duy trì các công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ nhằm ngăn ngừa các yếu tố gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thiệt hại tài sản của Công ty, tổn thất trong sản xuất.



VỀ SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Thực hiện tốt công tác khám sức khỏe, cấp cứu tai nạn lao động và các hành động ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp. Chăm lo đời sống cho CBCNV trong công ty: thực hiện quy chế lương mới 2015.



ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH VÀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC:

Thực hiện kiểm soát, ngăn ngừa các yếu tố tác động đến môi trường, đảm bảo khu vực sản xuất - kho bãi an toàn vệ sinh, giảm sử dụng nguồn nguyên liệu hóa thạch nhằm bảo vệ môi trường cụ thể như: chuyển đổi không sử dụng dầu DO để sản xuất CO2 qua mua CO2 bên ngoài; cũng như không dùng dầu FO để đốt lò sinh hơi quá nhiệt bằng việc mua hơi từ đơn vị bên ngoài đi từ giải pháp đốt lò bằng phế phẩm từ ngành chế biến gỗ.



CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM:

Tuân thủ các quy định của pháp luật trong sản xuất kinh doanh nước giải khát.

- Kiểm soát 100% nguyên liệu đầu vào, đảm bảo nguyên liệu vật phù hợp với quy định nhà nước về an toàn thực phẩm.
- Kiểm soát 100% sản phẩm ra thị trường đạt chất lượng như công bố tại Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm Tp. HCM thuộc Sở Y tế Tp.HCM.
- Kiểm tra, kiểm soát, thực hiện và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.



VỀ TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG:

Công ty luôn sử dụng nguồn nguyên liệu có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; qui trình sản xuất, trang thiết bị nhà xưởng, hệ thống quản lý chất lượng chuẩn mực nhằm tạo ra những sản phẩm đạt chất lượng đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm, đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng.



VỀ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI:

- Trao tặng quà bằng sản phẩm và tiền mặt cho các chương trình Đền ơn đáp nghĩa; Tài trợ bánh trung thu cho các cháu thiếu nhi nghèo học giỏi; Đi bộ vì nạn nhân chất độc da cam
- Tài trợ cho các Chiến dịch mùa hè xanh của các trường đại học Bách khoa, Kinh tế, Công nghệ kỹ thuật; chương trình Kỳ nghỉ Hồng; tặng quà cho Đại hội Châu ngoan Bác hồ...
- Tham gia Hội thao giao lưu với các đơn vị trong Tổng Công ty và các chương trình hoạt động của Đoàn Thanh niên và Công đoàn.





MÔI TRƯỜNG VÀ BẢO HỘ LAO ĐỘNG

CÔNG TÁC BẢO HỘ LAO ĐỘNG:

Thành lập và duy trì hoạt động Hội Đồng bảo hộ lao động, mạng lưới An toàn vệ sinh viên cấp Công ty theo thỏa thuận giữa người sử dụng lao động và Ban chấp hành Công đoàn nhằm phối hợp với Ban bảo hộ lao động giám sát thực hiện nội quy an toàn vệ sinh lao động của toàn thể CB.CNV.

Nguy cơ cháy nổ: Một số nguyên nhân dẫn đến cháy nổ tại nhà máy như: tàng trữ các loại hóa chất, dung môi, nguyên liệu không đúng quy định, tồn trữ các loại rác, bụi và các chất thải rắn có nguồn gốc cellulose trong khu vực sản xuất, đặc biệt là khu vực có tia lửa, sự cố các thiết bị điện, phát sinh nhiệt dẫn đến cháy, tàng trữ và vận chuyển thành phẩm không đúng cách.

Biện pháp phòng ngừa đang được áp dụng tại công ty:

- Trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC và lập phương án PCCC.
- Bố trí tại nhà xưởng, kho bãi, văn phòng làm việc các thiết bị cứu hỏa cầm tay, trang bị tại công ty hệ thống máy bơm và bể chứa nước.
- Kết hợp với lực lượng PCCC địa phương và lực lượng đội PCCC của Công ty tập huấn, diễn tập PCCC nhằm trang bị kỹ năng ứng phó sự cố cháy cho toàn CBCNV.

Nguy cơ tai nạn lao động: các nguyên nhân gây TNLD tại nhà máy: NLD không tuân thủ nghiêm ngặt nội quy về an toàn lao động, sự bất cẩn về điện trong lúc vận hành máy móc thiết bị cơ khí.

Biện pháp phòng ngừa:

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân cho công nhân.
- Tất cả công nhân đều được đào tạo cơ bản về vệ sinh an toàn lao động và công tác vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.
- Tất cả công nhân các vị trí công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đều được huấn luyện tập trung và có giấy phép an toàn tiến hành công việc.
- Định kỳ kiểm định các thiết bị áp lực, hiệu chuẩn các thiết bị đo lường, thực hiện đo kiểm tra nối đất an toàn thiết bị điện, hệ thống chống sét.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG:

Công ty đã đăng ký đề án bảo vệ môi trường chi tiết cấp Bộ và được Bộ phê duyệt vào ngày 04/04/2014 theo quyết định số 543/QĐ-BTNMT của Bộ tài Nguyên và Môi Trường.

Để giúp tái tạo môi trường, Công ty cho trồng cây xanh tại các bãi đất trống cũng như tại các khu vực khuôn viên Công ty. Hàng quý Công ty đều thực hiện quan trắc Môi trường xung quanh trong khuôn viên Công ty cũng như các phân xưởng, và kết quả đều đạt tiêu chuẩn cho phép.

Hàng năm Công ty có lập báo cáo giám sát môi trường định kỳ 3 tháng/lần gửi Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành Phố Hồ Chí Minh và Chi Cục Môi Trường.

Nguồn phát sinh nước thải: bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất và nước mưa.

Hiện tại Công ty đã có hệ thống xử lý nước thải.

Công ty thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường lên Chi Cục Bảo Vệ Môi Trường đối với nước thải công nghiệp theo đúng yêu cầu của pháp luật hiện hành.

Nguồn phát sinh khí thải: Phát sinh từ các phương tiện xe tải, xe nâng và lò hơi .

Về khí thải lò hơi: Hiện nay Công ty đã tiến hành mua hơi với đơn vị bên ngoài. Lò cung cấp hơi đốt bằng nhiên liệu mùn cưa có hệ thống xử lý khí thải đảm bảo xử lý khí thải lò hơi đạt QCVN 19:2009/BTNMT.

Về các phương tiện hoạt động không nhiều và không tập trung vào cùng thời điểm và lại là nguồn di động nên ảnh hưởng nguồn này là không đáng kể.

Hàng quý, Công ty có mời các đơn vị có chức năng thực hiện giám sát môi trường đo kiểm chất lượng không khí thải ra tại nguồn thải nêu trên nhằm đảm bảo chất lượng khí thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành.

Hiện tại Công ty áp dụng các biện pháp kiểm soát ô nhiễm khí thải như sau: thường xuyên quét dọn, lau chùi sạch sẽ, tăng cường thông thoáng nhà xưởng bằng gió tự nhiên, xây dựng bãi đậu xe và nội quy dành cho các loại xe giao thông ra vào công ty. Bê tông hóa toàn bộ đường giao thông nội bộ để giảm thiểu bụi; tăng cường diện tích cây xanh trong công ty

Nguồn phát sinh nhiệt: chủ yếu phát sinh từ quá trình vận hành các máy móc trang thiết bị, nhiệt độ làm việc phát sinh trong phạm vi nhà xưởng chủ yếu từ nhiệt thừa phát sinh từ máy móc thiết bị, nhiệt thừa từ quá trình hàn, cắt và nhiệt thừa phát bức xạ nhiệt mặt trời xuyên qua mái tôn.

Công ty đã áp dụng một số biện pháp để hạn chế tối

đa những ảnh hưởng các yếu tố khí hậu ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động và tạo điều kiện để người lao động làm việc tốt hơn như: cải tạo nhà xưởng, sử dụng vật liệu chống nóng, cải tạo môi trường làm việc trong nhà xưởng, đảm bảo độ thông thoáng cần thiết, trang bị thêm quạt công nghiệp cục bộ và quạt thông gió...

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: tiếng ồn chủ yếu phát sinh từ trong suốt quá trình hoạt động của các máy trong sản xuất và các hoạt động giao thông vận tải khác tại Công ty.

Các biện pháp giảm thiểu áp dụng tại công ty: trang bị lớp cao su, lò xo giảm chấn cho máy móc thiết bị gây độ rung, thường xuyên bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, bố trí máy móc trong dây chuyền hợp lý để tránh hiện tượng cộng hưởng tiếng ồn, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động ở những nơi phát sinh tiếng ồn cao.

Nguồn phát sinh chất thải rắn và chất thải nguy hại: chất thải rắn của công ty được thu gom, lưu trữ và xử lý theo đúng Nghị định 29/2007/NĐ-CP ngày 9/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn.

Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại: gồm nhóm giấy, bao bì, gỗ, sắt phế liệu... Công ty bán lại cho các đơn vị có nhu cầu mua phế liệu về tái chế.

Chất thải nguy hại: bao gồm giẻ lau, bao bì, bao tay bị nhiễm thành phần chất thải nguy hại, bóng đèn huỳnh quang, hộp mực, dầu nhớt. Công ty thực hiện lưu trữ đúng quy định và thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý. Về sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại với sở Tài Nguyên Môi Trường, Công Ty đã thực hiện gia hạn và được sở TNMT cấp Sổ mới ngày 01/03/2011.

Công Ty không sử dụng các nhiên liệu có phát sinh khí thải gây hiệu ứng nhà kính. (các hệ thống lạnh không sử dụng Freon...).

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01 - DN (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	Tại ngày
			31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ (Trình bày lại - Thuyết minh 36)
300	NỢ PHẢI TRẢ		85.460.061.296	103.015.507.870
310	Nợ ngắn hạn		84.840.061.296	102.395.507.870
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	29.845.706.983	56.442.453.351
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	7.332.549.456	120.221.399
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	7.544.816.467	1.667.605.984
314	Phải trả người lao động	15	9.624.803.636	10.039.524.312
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	25.950.113.889	27.891.768.294
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		520.977.778	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	17(a)	1.089.118.353	2.605.881.140
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	2.931.974.734	3.628.053.390
330	Nợ dài hạn		620.000.000	620.000.000
337	Phải trả dài hạn khác	17(b)	620.000.000	620.000.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		200.620.982.332	190.710.052.743
410	Vốn chủ sở hữu		200.620.982.332	190.710.052.743
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19, 20	85.000.000.000	85.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	19, 20	85.000.000.000	85.000.000.000
415	Cổ phiếu quỹ	20	(347.276.838)	(347.276.838)
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	95.110.162.913	85.493.818.878
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20	20.858.096.257	20.563.510.703
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	20	-	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay	20	20.858.096.257	20.563.510.703
440	TỔNG NGUỒN VỐN		286.081.043.628	293.725.560.613


Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập


Nguyễn Kiến Quốc
Kế toán trưởng



Võ Văn Thọ
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 - DN

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng	373.353.790.592	426.247.881.468
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(18.548.959.957)	(21.479.240.707)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	354.804.830.635	404.768.640.761
11	Giá vốn hàng bán	(248.732.290.754)	(290.499.598.295)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	106.072.539.881	114.269.042.466
21	Doanh thu hoạt động tài chính	12.011.095.768	11.840.820.481
22	Chi phí tài chính	(105.457.732)	(366.026.436)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	(37.777.778)	(32.188.889)
25	Chi phí bán hàng	(60.132.737.458)	(66.922.394.054)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(33.536.610.944)	(34.763.861.876)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	24.308.829.515	24.057.580.581
31	Thu nhập khác	8.916.193.953	4.042.220.829
32	Chi phí khác	(193.752.389)	(35.430.576)
40	Lợi nhuận khác	8.722.441.564	4.006.790.253
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.031.271.079	28.064.370.834
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(6.860.697.758)	(5.845.286.559)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	26.170.573.321	22.219.084.275
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.778	2.181


Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập


Nguyễn Kiến Quốc
Kế toán trưởng


Võ Văn Thọ
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHUÔNG DƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

NỘI DUNG

Thông tin về Doanh nghiệp

Báo cáo của Ban Giám đốc

Báo cáo kiểm toán

Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)

Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận Đăng ký

DOANH NGHIỆP

Số 4103002362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2004 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 số 0300584564 ngày 17 tháng 6 năm 2015.

■ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Đức Hòa	Chủ tịch
Ông Bùi Ngọc Hạnh	Thành viên
Ông Lê Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Đức	Thành viên
Ông Võ Văn Thọ	Thành viên

■ BAN KIỂM SOÁT

Ông Dương Chí Hùng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên
Ông Lý Minh Hoàng	Thành viên

■ BAN GIÁM ĐỐC

Ông Võ Văn Thọ	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2015)
Ông Nguyễn Thanh Đức	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2015)
Ông Hoàng Quang Dũng	Giám đốc điều hành sản xuất (kiêm Giám đốc Cung ứng Kho vận từ ngày 16 tháng 6 năm 2015)
Bà Nguyễn Thúy Phượng	Giám đốc Tài chính (kiêm Giám đốc Kinh Doanh từ ngày 16 tháng 6 năm 2015)
Ông Võ Văn Thọ	Giám đốc Cung ứng Kho vận (từ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2015)

■ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Ông Võ Văn Thọ	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2015)
Ông Nguyễn Thanh Đức	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2015)

■ TRỤ SỞ CHÍNH

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

■ KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- và soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 36. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Võ Văn Thọ
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”) được lập vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, và được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 18 tháng 3 năm 2016. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 36.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

VẤN ĐỀ CẦN NHẤN MẠNH

Không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính cho thấy tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc cho nhân viên do áp dụng Công văn số 16709/BTC-TCDN ngày 3 tháng 12 năm 2013 và Công văn số 16222/BTC-TCDN ngày 3 tháng 11 năm 2015 do Cục Tài chính Doanh nghiệp ban hành. Việc áp dụng các Công văn này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Nếu Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán 18 nói trên, ước tính khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần phải lập là 8.479.953.562 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 8.655.189.315 đồng Việt Nam) và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm một khoản tương ứng.

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Quách Thành Châu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0875-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền

A blue signature of Lại Hùng Phương.

Lại Hùng Phương
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2432-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM5108
TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2016

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01 - DN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2015 VNĐ	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ (Trình bày lại - Thuyết minh 36)
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		225.311.490.724	222.361.079.494
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	20.744.102.063	12.222.297.565
111	Tiền		20.744.102.063	12.222.297.565
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		130.000.000.000	105.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	130.000.000.000	105.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		59.735.704.402	85.641.655.691
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	52.953.855.002	83.820.849.420
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		126.796.347	180.955.457
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	6.765.153.061	3.390.068.328
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(110.100.008)	(1.994.393.627)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		-	244.176.113
140	Hàng tồn kho	7	13.893.741.033	15.357.863.396
141	Hàng tồn kho		13.893.741.033	15.357.863.396
150	Tài sản ngắn hạn khác		937.943.226	4.139.262.842
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	350.253.301	2.735.202.503
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9	587.689.925	1.404.060.33

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01 - DN (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2015 VNĐ	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ (Trình bày lại - Thuyết minh 36)
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		60.769.552.904	71.364.481.119
220	Tài sản cố định		38.667.667.260	37.833.427.364
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	17.268.801.123	16.247.159.711
222	Nguyên giá		66.190.175.469	61.630.917.052
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(48.921.374.346)	(45.383.757.341)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	21.398.866.137	21.586.267.653
228	Nguyên giá		22.378.109.926	22.364.024.426
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(979.243.789)	(777.756.773)
240	Tài sản dở dang dài hạn		3.090.433.809	5.880.667.986
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	3.090.433.809	5.880.667.986
250	Đầu tư tài chính dài hạn		6.500.000.000	6.500.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	6.500.000.000	6.500.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		12.511.451.835	21.150.385.769
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	5.795.096.523	12.900.201.259
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		222.212.867	222.212.867
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		6.494.142.445	8.027.971.643
270	TỔNG TÀI SẢN		286.081.043.628	293.725.560.613

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01 - DN (tiếp theo)

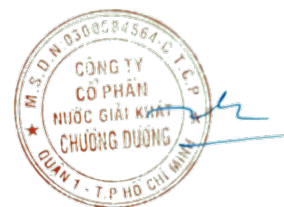
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2015 VNĐ	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ (Trình bày lại - Thuyết minh 36)
300	NỢ PHẢI TRẢ		85.460.061.296	103.015.507.870
310	Nợ ngắn hạn		84.840.061.296	102.395.507.870
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	29.845.706.983	56.442.453.351
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	7.332.549.456	120.221.399
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	7.544.816.467	1.667.605.984
314	Phải trả người lao động	15	9.624.803.636	10.039.524.312
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	25.950.113.889	27.891.768.294
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		520.977.778	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	17(a)	1.089.118.353	2.605.881.140
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	2.931.974.734	3.628.053.390
330	Nợ dài hạn		620.000.000	620.000.000
337	Phải trả dài hạn khác	17(b)	620.000.000	620.000.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		200.620.982.332	190.710.052.743
410	Vốn chủ sở hữu		200.620.982.332	190.710.052.743
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19, 20	85.000.000.000	85.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	19, 20	85.000.000.000	85.000.000.000
415	Cổ phiếu quỹ	20	(347.276.838)	(347.276.838)
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	95.110.162.913	85.493.818.878
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20	20.858.096.257	20.563.510.703
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	20	-	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay	20	20.858.096.257	20.563.510.703
440	TỔNG NGUỒN VỐN		286.081.043.628	293.725.560.613



Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập



Nguyễn Kiến Quốc
Kế toán trưởng



Võ Văn Thọ
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B02 - DN

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng		373.353.790.592	426.247.881.468
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(18.548.959.957)	(21.479.240.707)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	23	354.804.830.635	404.768.640.761
11	Giá vốn hàng bán	24	(248.732.290.754)	(290.499.598.295)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng		106.072.539.881	114.269.042.466
21	Doanh thu hoạt động tài chính	25	12.011.095.768	11.840.820.481
22	Chi phí tài chính	26	(105.457.732)	(366.026.436)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(37.777.778)	(321.888.889)
25	Chi phí bán hàng	27	(60.132.737.458)	(66.922.394.054)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(33.536.610.944)	(34.763.861.876)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.308.829.515	24.057.580.581
31	Thu nhập khác		8.916.193.953	4.042.220.829
32	Chi phí khác		(193.752.389)	(35.430.576)
40	Lợi nhuận khác	29	8.722.441.564	4.006.790.253
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		33.031.271.079	28.064.370.834
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	(6.860.697.758)	(5.845.286.559)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		26.170.573.321	22.219.084.275
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	2.778	2.181



Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập



Nguyễn Kiến Quốc
Kế toán trưởng



Võ Văn Thọ
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp) Mẫu số B 03 - DN

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2015 VNĐ	31.12.2014 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	33.031.271.079	28.064.370.834
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định	3.739.104.021	2.531.943.088
03	Hoàn nhập dự phòng	(1.884.293.619)	(4.985.697.937)
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(1.439.169)	1.875.725
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(9.252.314.385)	(11.838.084.533)
06	Chi phí lãi vay	37.777.778	32.188.889
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	25.670.105.705	14.096.296.066
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	26.923.044.589	(76.980.003.263)
10	Giảm hàng tồn kho	2.997.951.561	17.116.706.581
11	Giảm các khoản phải trả	(23.115.966.562)	(514.946.899)
12	Giảm/(tăng) các chi phí trả trước	9.490.053.938	(15.457.460.929)
14	Tiền lãi vay đã trả	(37.777.778)	(32.188.889)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(609.263.314)	(16.939.924.682)
16	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	181.738.000
17	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(3.313.135.988)	(5.151.169.402)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	38.005.012.151	(83.970.653.417)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(1.783.109.740)	(8.957.904.565)
23	(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	(230.000.000.000)	46.000.000.000
24	Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	205.000.000.000	-
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	2.250.000.000
27	Cổ tức được chia	10.857.522.718	12.222.681.200
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(15.925.587.022)	51.514.776.635
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Vay ngắn hạn nhận được	8.000.000.000	50.000.000.000
34	Chi trả nợ gốc vay	(8.000.000.000)	(50.000.000.000)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	(13.559.059.800)	(12.716.460.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(13.559.059.800)	(12.716.460.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	8.520.365.329	(45.172.336.782)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	12.222.297.565	57.396.510.072
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.439.169	(1.875.725)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	20.744.102.063	12.222.297.565



Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập



Nguyễn Kiến Quốc
Kế toán trưởng



Võ Văn Thọ
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 242/2003/QĐ-BCN ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp.

Công ty được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4103002362 đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp gần nhất số 0300584564 ngày 17 tháng 6 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 21 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 71/2006/GCNCNCP-CNTTLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2006.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán đồ uống (không hoạt động tại khu dân cư tập trung), sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ ngành sản xuất đồ uống, kinh doanh nhà, môi giới bất động sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 388 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 380 nhân viên).

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo hướng dẫn của Cục Tài chính Doanh nghiệp trực thuộc Bộ Tài chính nêu tại Công văn số 16709/BTC-TCND ngày 3 tháng 12 năm 2013 và Công văn số 16222/BTC-TCDN ngày 3 tháng 11 năm 2015, Công ty không cần phải trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động. Khi người lao động nghỉ việc, Công ty chỉ ghi nhận chi phí trợ cấp thôi việc thực tế phát sinh khi người lao động nghỉ việc trong niên độ 2015. Lợi nhuận trước thuế thực tế đã được trừ chi phí trợ cấp nghỉ việc theo thực tế lao động nghỉ việc trong từng niên độ. Cụ thể chi phí trả trợ cấp nghỉ việc trong năm 2015 phát sinh 362.114.667 đồng (Thuyết minh 28).

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) - Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 được áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các thay đổi của Thông tư 200. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán được áp dụng phi hồi tố:

· Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ -
Thuyết minh 2.4

Theo Quyết định 15, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bằng cân đối kế toán.

Theo Thông tư 200 các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bằng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

· Đầu tư - Thuyết minh 4

Theo Thông tư 200, Công ty phải thuyết minh giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý thì Công ty cần thuyết minh trình bày lý do.

· Lãi cơ bản trên cổ phiếu – Thuyết minh 22

Theo Quyết định 15, Công ty phải tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo các khoản lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (tử số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (mẫu số).

Theo Thông tư 200 lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách dùng lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trừ đi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (tử số) chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (mẫu số).

Một số số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay theo Thông tư 200. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh 36.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bằng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.8 Đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 19
Nhà xưởng và máy móc	5 - 8
Phương tiện vận tải	6 - 8
Dụng cụ quản lý	3 - 7
Phần mềm máy tính	3 - 10
Nhãn hiệu hàng hóa	10

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm và sẽ bắt đầu khấu hao khi đưa vào sử dụng.

2.10 Thuê tài sản cố định

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là bao bì, chai kết, công cụ, dụng cụ sản xuất đã đưa vào sử dụng.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.15 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

2.16 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông hoặc quyền chọn được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ: Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và được mua lại bởi chính công ty phát hành, nhưng nó không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Vốn khác của chủ sở hữu: phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận thuần

(a) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính không còn được sử dụng. Số dư còn lại của quỹ này được chuyển sang quỹ đầu tư phát triển.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

(c) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

2.18 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.19 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại nhưng phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau) trong khoản mục giảm trừ doanh thu.

2.20 Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.22 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, chủ yếu bao gồm các chi phí quảng cáo, chi phí nhân công, vận chuyển, hỗ trợ bán hàng, chi phí bao bì chai kết.

2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

2.24 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.25 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty.

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Tiền mặt	45.971.050	114.009.341
Tiền gửi ngân hàng	20.698.131.013	12.108.288.224
	20.744.102.063	12.222.297.565

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2015		2014	
	Gía Gốc VNĐ	Gía Trị Ghi Số VNĐ	Gía Gốc VNĐ	Gía Trị Ghi Số VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn	130.000.000.000	130.000.000.000	105.000.000.000	105.000.000.000

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	2015		2014	
	Gía Gốc (*) VNĐ	Dự Phòng VNĐ	Gía Gốc (*) VNĐ	Dự Phòng VNĐ
Công ty Cổ phần Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này vì đây là khoản đầu tư tài chính dài hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Bên thứ ba (*)	52.953.855.002	83.820.849.420

(*) Chi tiết cho những khách hàng chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải thu của khách hàng như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Công ty TNHH Hoàng Tuấn	21.239.525.068	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tâm Đồng Phát	6.690.178.891	-
Nhữ Quang Hiếu	3.767.660.623	20.559.295.080
Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam	-	32.641.267.406
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vĩnh Phát	-	5.483.170.092

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2015 VNĐ	2014 VNĐ (Trình bày lại – Thuyết minh 36)
Phải thu tiền hỗ trợ - bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	5.000.000.000	-
Phải thu cổ tức	1.300.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	-	2.905.208.333
Tạm ứng cho nhân viên	162.075.600	347.807.106
Ký cược, ký quỹ	31.000.000	31.000.000
Các khoản khác	272.077.461	106.052.889
	6.765.153.061	3.390.068.328

7 HÀNG TỒN KHO

	2015 VNĐ	2014 VNĐ (Trình bày lại – Thuyết minh 36)
Hàng mua đang đi trên đường	-	1.043.703.801
Nguyên vật liệu	11.174.597.966	10.740.555.589
Công cụ, dụng cụ	165.495.894	148.214.429
Thành phẩm	2.553.647.173	3.425.389.577
	13.893.741.033	15.357.863.396

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
(a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	350.253.301	846.331.736
Chi phí quảng cáo	-	1.858.781.100
Khác	-	30.089.667
	350.253.301	2.735.202.503
(b) Chi phí trả trước dài hạn		
Bao bì luân chuyển (*)	5.795.096.523	12.900.201.259

(*) Biến động của bao bì luân chuyển như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Số dư đầu năm	12.900.201.259	-
Tăng trong năm	-	14.210.865.880
Phân bổ trong năm	(7.105.104.736)	(1.310.664.621)
Số dư cuối năm	5.795.096.523	12.900.201.259

9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Thuế thu nhập cá nhân	587.636.763	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.352.969.271
Thuế nhập khẩu	-	51.037.906
Khác	53.162	53.162
	587.689.925	1.404.060.339

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Nhà xưởng và máy móc VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Dụng cụ quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	4.971.522.382	45.598.725.985	10.562.500.685	498.168.000	61.630.917.052
Mua trong năm	90.062.151	1.570.030.162	-	-	1.660.092.313
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành					
(Thuyết minh 11)	2.899.166.104	-	-	-	2.899.166.104
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.960.750.637	47.168.756.147	10.562.500.685	498.168.000	66.190.175.469
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	3.407.162.560	37.766.303.500	3.891.385.234	318.906.047	45.383.757.341
Khấu hao trong năm	426.483.536	1.895.170.932	1.174.982.832	40.979.705	3.537.617.005
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	3.833.646.096	39.661.474.432	5.066.368.066	359.885.752	48.921.374.346
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	1.564.359.822	7.832.422.485	6.671.115.451	179.261.953	16.247.159.711
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	4.127.104.541	7.507.281.715	5.496.132.619	138.282.248	17.268.801.123

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 41.014.885.936 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 39.367.792.126 đồng Việt Nam).

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Nhãn hiệu hàng hóa VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	21.077.917.500	104.000.000	1.182.106.926	22.364.024.426
Mua trong năm	-	-	14.085.500	14.085.500
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	21.077.917.500	104.000.000	1.196.192.426	22.378.109.926
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	-	23.833.335	753.923.438	777.756.773
Khấu hao trong năm	-	13.000.000	188.487.016	201.487.016
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	36.833.335	942.410.454	979.243.789
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	21.077.917.500	80.166.665	428.183.488	21.586.267.653
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	21.077.917.500	67.166.665	253.781.972	21.398.866.137

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 247.888.400 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 247.888.400 đồng Việt Nam).

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3	2.408.250.000	2.408.250.000
Chi phí di dời nhà máy Nước Giải khát Chương Dương	324.411.362	324.411.362
Chi phí xây dựng văn phòng và trưng bày giới thiệu sản phẩm tại Quận Tân Phú	250.441.018	3.040.675.195
Chi phí đăng ký nhãn hiệu ra nước ngoài	107.331.429	107.331.429
	3.090.433.809	5.880.667.986
Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang:		
Số dư đầu năm	5.880.667.986	5.878.849.804
Tăng trong năm	108.931.927	1.818.182
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(2.899.166.104)	-
Số dư cuối năm	3.090.433.809	5.880.667.986

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**(a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Bên thứ ba (*)	29.845.706.983	56.442.453.351
(*) Chi tiết cho những khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải trả người bán như sau:		
Công ty TNHH Baosteel Can Making Việt Nam	12.673.251.088	26.916.728.662
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Minh	6.385.155.000	3.491.250.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Sài Gòn	-	5.105.913.750

(b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	2.102.539.398	2.102.539.398
Khác	202.412.395	202.412.395

13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Bên thứ ba (*)	7.332.549.456	120.221.399
(*) Chi tiết cho những khoản người mua trả tiền trước chiếm từ 10% trở lên trong tổng người mua trả tiền trước như sau:		
Đại lý Nguyễn Thị Mỹ Liên	1.185.706.100	-
Công ty TNHH FPF Việt Nam	890.310.101	-

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.898.465.173	-
Thuế giá trị gia tăng	2.643.049.254	1.609.148.459
Thuế tài nguyên	3.302.040	3.250.000
Thuế thu nhập cá nhân	-	55.207.525
	7.544.816.467	1.667.605.984

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư thể hiện khoản tiền lương tháng 12, trích tiền lương tháng 13 và thưởng dựa trên kết quả công việc năm 2015 phải trả cho nhân viên.

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí hỗ trợ, khuyến mãi, quảng cáo	18.249.744.144	15.150.570.965
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	3.985.441.694	9.696.889.788
Chi phí thuê đất KCN Mỹ Phước 3	2.845.760.000	2.092.304.000
Khác	869.168.051	952.003.541
	25.950.113.889	27.891.768.294

17 PHẢI TRẢ KHÁC

	2015 VNĐ	2014 VNĐ (Trình bày lại – Thuyết minh 36)
(a) Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	655.293.200	2.013.382.000
Cổ tức phải trả cho các bên thứ ba	239.651.450	234.487.250
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	9.442.456	36.418.231
Tài sản thừa chờ giải quyết	8.868.816	264.198.427
Các khoản phải trả, phải nộp khác	175.862.431	57.395.232
	1.089.118.353	2.605.881.140
(b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	620.000.000	620.000.000

18 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Số dư đầu năm	3.628.053.390	5.165.849.419
Trích trong năm	2.617.057.332	3.728.660.116
Sử dụng trong năm	(3.313.135.988)	(5.266.456.145)
Số dư cuối năm	2.931.974.734	3.628.053.390

19 VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2015	2014
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(22.360)	(22.360)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.477.640	8.477.640

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2015		2014	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	5.261.500	62	5.261.500	62
Các cổ đông khác	3.216.140	38	3.216.140	38
	8.477.640	100	8.477.640	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014	85.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	85.000.000.000	(347.276.838)	74.771.910.450	8.500.000.000	17.058.482.804	184.983.116.416
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	22.219.084.275	22.219.084.275
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.728.660.116)	(3.728.660.116)
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	2.221.908.428	-	(2.221.908.428)	-
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	47.027.832	(47.027.832)	-
Sử dụng quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	(47.027.832)	-	(47.027.832)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(12.716.460.000)	(12.716.460.000)
Chuyển quỹ dự phòng tài chính sang quỹ đầu tư, phát triển (Thuyết minh 36)	-	-	8.500.000.000	(8.500.000.000)	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	85.000.000.000	(347.276.838)	85.493.818.878	-	20.563.510.703	190.710.052.743
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	26.170.573.321	26.170.573.321
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.617.057.332)	(2.617.057.332)
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	9.694.706.435	-	(9.694.706.435)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.564.224.000)	(13.564.224.000)
Quỹ đầu tư phát triển sử dụng trong năm	-	-	(78.362.400)	-	-	(78.362.400)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	85.000.000.000	(347.276.838)	95.110.162.913	-	20.858.096.257	200.620.982.332

21 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Tài sản nhận giữ hộ		
Hàng hoá nhận giữ hộ	62.916.694.346	77.979.657.500
Ngoại tệ các loại		
USD	1.047	1.086
Euro	498	498
Nợ khó đòi đã xử lý	2.177.520.282	2.177.520.282

22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ (Trình bày lại – Thuyết minh 36)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	23.553.515.989	18.490.424.159
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	8.477.640	8.477.640
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	2.778	2.181

23 DOANH THU

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	373.353.790.592	426.247.881.468
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(18.478.107.157)	(21.471.060.707)
Hàng bán bị trả lại	(70.852.800)	(8.180.000)
	(18.548.959.957)	(21.479.240.707)
Doanh thu thuần	354.804.830.635	404.768.640.761

24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Giá vốn của hàng hóa đã bán	248.732.290.754	290.500.676.295
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.078.000)
	248.732.290.754	290.499.598.295

25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Lãi tiền gửi	6.327.314.385	11.303.978.120
Cổ tức được chia	2.925.000.000	534.106.413
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	30.069.487	2.735.948
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	1.439.169	-
Khác	2.727.272.727	-
	12.011.095.768	11.840.820.481

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	67.679.954	42.261.822
Lãi vay	37.777.778	321.888.889
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	1.875.725
	105.457.732	366.026.436

27 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí quảng cáo	18.623.788.694	14.023.212.198
Chi phí lương	11.668.128.513	10.870.611.815
Chi phí vận chuyển	9.361.066.004	14.732.369.393
Chi phí hỗ trợ bán hàng	8.086.665.631	20.702.683.431
Chi phí bao bì, chai kết	7.105.104.736	1.310.664.621
Chi phí khấu hao tài sản cố định	931.176.195	575.714.518
Chi phí khác	4.356.807.685	4.707.138.078
	60.132.737.458	66.922.394.054

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí thuê đất	10.540.341.906	10.529.253.906
Chi phí lương	9.809.605.887	9.956.771.746
Chi phí khấu hao tài sản cố định	916.938.624	848.260.033
Chi phí thù lao nhân sự chủ chốt	660.000.000	660.000.000
Chi phí trợ cấp thôi việc	362.114.667	1.037.797.833
Chi phí khác	11.247.609.860	11.731.778.358
	33.536.610.944	34.763.861.876

29 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Thu nhập khác		
Tiền hỗ trợ từ bên liên quan (Thuyết minh 33(a))	4.545.454.545	-
Tiền hỗ trợ từ bên thứ ba	2.413.259.343	-
Tiền thu thanh lý vỏ chai kết	1.569.464.554	1.416.702.359
Khác	388.015.511	2.625.518.470
	8.916.193.953	4.042.220.829
Chi phí khác		
Xóa sổ nguyên vật liệu	(101.328.387)	-
Phạt vi phạm hành chính	(89.118.449)	(35.190.968)
Khác	(3.305.553)	(239.608)
	(193.752.389)	(35.430.576)
Lợi nhuận khác	8.722.441.564	4.006.790.253

30 THUẾ

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 22% theo qui định của luật thuế hiện hành và được thể hiện như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	33.031.271.079	28.064.370.834
Thuế tính ở thuế suất 22%	7.266.879.638	6.174.161.583
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	237.318.120	259.432.971
Thu nhập không chịu thuế	(643.500.000)	(638.673.681)
Dự phòng thiếu của năm trước	-	50.365.686
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	6.860.697.758	5.845.286.559
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	6.860.697.758	5.845.286.559
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	-	-
	6.860.697.758	5.845.286.55

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

31 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	224.854.312.035	245.634.744.667
Chi phí nhân công	47.161.195.359	49.014.053.579
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.739.104.021	2.531.943.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.608.495.378	34.574.119.660
Chi phí bằng tiền khác	34.358.379.378	46.311.263.862
	341.721.486.171	378.066.124.856

32 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

(i) Rủi ro tiền tệ

Việc kinh doanh của Công ty ít chịu rủi ro từ các ngoại tệ do các giao dịch chủ yếu là từ đồng Việt Nam.

(ii) Rủi ro giá

Trong năm, Công ty không chịu rủi ro về giá chứng khoán do Công ty không phát sinh các khoản giao dịch chứng khoán nào. Công ty cũng không chịu rủi ro trọng yếu về giá của hàng hóa.

(iii) Rủi ro lãi suất

Công ty không phải chịu rủi ro về lãi suất vì Công ty không còn các khoản vay vào cuối kỳ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác với số tiền là 30.934.825.336 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 59.668.334.491 đồng Việt Nam) là dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn 1 năm.

33 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn do chiếm 62% vốn cổ phần của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
i) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí SABECO	116.319.909	62.353.500
ii) Hoạt động tài chính		
Trả cổ tức		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	7.892.250.000	7.892.250.000
iii) Hoạt động khác		
Nhận tiền hỗ trợ (Thuyết minh 29)		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	4.545.454.545	-
iv) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	2.486.547.645	2.938.700.666

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Phải thu ngắn hạn khác(Thuyết minh 6)		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	5.000.000.000	-

34 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, mua bán đồ uống, do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chủ yếu chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

35 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Dưới 1 năm	433.826.000	427.578.000
Từ 1 đến 5 năm	1.735.304.000	1.710.312.000
Trên 5 năm	14.921.985.500	15.127.759.500
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	17.091.115.500	17.265.649.500

36 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện hành theo Thông tư 200 như sau:

(a) Ảnh hưởng việc trình bày lại trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	31.12.2014		
		Theo báo cáo trước đây VNĐ	Phân loại lại VNĐ	Số liệu trình bày lại VNĐ
100	Tài sản ngắn hạn	230.373.051.137	(8.011.971.643)	222.361.079.494
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	85.018.672.472	622.983.219	85.641.655.691
136	Phải thu ngắn hạn khác	3.011.261.222	378.807.106	3.390.068.328
139	Tài sản thiếu chờ xử lý	-	244.176.113	244.176.113
140	Hàng tồn kho	23.385.835.039	(8.027.971.643)	15.357.863.396
141	Hàng tồn kho	23.385.835.039	(8.027.971.643)	15.357.863.396
150	Tài sản ngắn hạn khác	4.746.246.061	(606.983.219)	4.139.262.842
155	Tài sản ngắn hạn khác	606.983.219	(606.983.219)	-
200	Tài sản dài hạn	63.352.509.476	8.011.971.643	71.364.481.119
260	Tài sản dài hạn khác	13.138.414.126	8.011.971.643	21.150.385.769
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	8.027.971.643	8.027.971.643
268	Tài sản dài hạn khác	16.000.000	(16.000.000)	-
310	Nợ ngắn hạn	103.015.507.870	(620.000.000)	102.395.507.870
319	Phải trả ngắn hạn khác	3.225.881.140	(620.000.000)	2.605.881.140
330	Nợ dài hạn	-	620.000.000	620.000.000
337	Phải trả dài hạn khác	-	620.000.000	620.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	76.993.818.878	8.500.000.000	85.493.818.878
419	Quỹ dự phòng tài chính	8.500.000.000	(8.500.000.000)	-

(b) Ảnh hưởng việc trình bày lại trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	31.12.2014		
		Theo báo cáo trước đây VNĐ	Phân loại lại VNĐ	Số liệu trình bày lại VNĐ
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.621	(440)	2.181

Báo cáo tài chính này đã được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 18 tháng 3 năm 2016.



Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập



Nguyễn Kiến Quốc
Kế toán trưởng



Võ Văn Thọ
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2016



CHƯƠNG DƯƠNG
Since 1952

ÔLONG
CHƯƠNG DƯƠNG

350ml

NHẬT BẢN

TRÀ ÔLONG
CHƯƠNG DƯƠNG

Thể tích thực 350ml

NHẬT BẢN

Trà Ôlong Chương Dương
Vị mát lành từ Nhật Bản

